

VIỆT NAM ĐỒNG ỨNG LIỆU PHÁP LÝ PHƯỚC LỘC

(VN LY'S CORRESPONDING RESPONSE THERAPY)

Nhập Môn

Mục Lục

I.	GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ VIỆT-NAM ĐỒNG ỨNG LIỆU PHÁP (VNĐƯLP)	4
A.	Tiểu sử	4
B.	Nguồn gốc	4
C.	Liên lạc và Trang Mạn chính của VNĐƯLP	4
II.	NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA VNĐƯLP	5
A.	Đồng Ứng Trị Liệu Pháp	5
B.	Lý Đồng Ứng	5
C.	Sinh Huyết (SH)?	5
D.	Tìm Sinh Huyết (SH) như thế nào?	5
E.	Quan Điểm	6
F.	Tính Năng	6
G.	Phương Châm	6
H.	Thao Tác	6
III.	ĐỒ HÌNH	7
IV.	PHƯƠNG PHÁP TRỊ LIỆU	26
A.	CÁC BỆNH VỀ ĐẦU, MẶT, CỔ / GÁY	26
1.	Nhức đỉnh đầu	26
2.	Nhức nửa đầu (Migraine headache, Thiên đầu thống)	26
3.	Nhức đầu ở trán	26
4.	Nhức đầu hai Thái Dương	27
5.	Nhức đầu chẩm gáy	27
6.	Chóng mặt (Dizziness)	28
7.	Cứng gáy, Vẹo cổ	29
B.	CÁC BỆNH Ở LƯNG	30
1.	Cụp Lưng (Lumbago)	30
2.	Đau Lưng	30
3.	Thần kinh tọa	31
C.	CÁC BỆNH LIÊN QUAN VỀ TAI MŨI HỌNG	32
1.	Tai ù, Lãng tai, điếc tai	32
2.	Tai bị Ngứa và có Mủ Hôi Thối	33
D.	CÁC BỆNH VỀ MẮT	34
1.	Các bệnh thông thường về mắt	34
2.	Nhức hốc mắt (Orbital pain)	35

3.	Mắt không đảo nhãn (Oculomotor Paralysis)	36
4.	Mắt quáng gà (Hemeralopia)	37
5.	Chảy Nước Mắt Sống	38
6.	Khô Nước Mắt	38
E.	CÁC BỆNH VỀ HÔ HẤP	39
1.	Ho (Common Cough)	39
2.	Viêm họng (Sore Throats)	40
3.	Suyễn (Asthma)	40
4.	Ngủ bỏ thở (Sleep Apnea)	41
5.	Tức nặng ngực (Chest pain)	41
F.	TIM MẠCH	42
1.	Tim đập nhanh (Throbbing)	42
2.	Tai Biến Mạch Máu Não / Đột Quy (Stroke)	43
G.	CÁC BỆNH VỀ TIÊU HÓA	45
1.	Lưỡi mất vị giác (Hemiageusia)	45
2.	Tiêu chảy (Diarrhea)	46
3.	Trào ngược (Acid reflux)	47
H.	CÁC BỆNH VỀ TAY	48
1.	Đau cùi chỏ (Tennis elbow)	48
2.	Kẹt khớp vai	49
3.	Tê cánh tay. Tê ngón tay	49
4.	Viêm bao gân cổ tay (Carpal tunnel syndrome)	50
5.	Đau các khớp ngón tay	50
6.	Ngón tay cò súng (Trigger finger)	51
7.	Hội chứng run tay	51
I.	CÁC BỆNH VỀ CHÂN	52
1.	Viêm khớp gối	52
2.	Thốn gót, thốn bàn chân	53
3.	Lật cổ chân (Twisted Ankle)	54
J.	CÁC BỆNH TIẾT NIỆU	55
1.	Tiền liệt tuyến & Nhiếp hộ tuyến (Prostate & Prostatism)	55
K.	CÁC BỆNH PHỤ KHOA	57
1.	Đau Bụng Kinh (Menstrual Pain)	57

2. Nhiễm Trùng Âm Đạo (Vaginal Infection - Vulvovaginitis).....	58
L. CÁC BỆNH NỘI KHOA	59
1. Huyết áp Cao (High Blood Pressure).....	59
2. Huyết áp thấp (Low Blood Pressure)	60
M. CÁC BỆNH THÔNG THƯỜNG.....	61
1. Cảm cúm (Cold, Influenza).....	61
2. Dị ứng (Allergy)	63
3. Mất ngủ (Insomnia).....	64
4. Cảm nắng (Sốt, Fever).....	65
5. Nấc cụt (Hiccough or hiccup)	66
N. CÁC BỆNH ĐẶC BIỆT	67
1. Thống Phong (Gout).....	67
2. Cứu cấp Đột Quy.....	69
3. Sa bìu (Orchioccele)	70

I. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ VIỆT-NAM ĐỒNG ỨNG LIỆU PHÁP (VNĐƯLP)

A. Tiểu sử

Thầy Lý Phước Lộc nguyên là đệ tử của Thầy Bùi Quốc Châu và cũng là thành viên của nhóm Nghiên Cứu & Phát Triển Diện Chẩn Điều Khiển Liệu Pháp (ĐCĐKLP Bùi Quốc Châu) kể từ năm 1981. Qua nhiều năm nghiên cứu LÝ ĐỒNG ỨNG, Thầy Lộc đã hệ thống hóa và xây dựng Việt Nam Đồng Ứng Liệu Pháp (VNĐƯLP), một phương pháp đơn giản tìm sinh huyết khắp toàn thân để điều trị những rối loạn chức năng của cơ thể mà không cần dùng thuốc (medical oil), cao dán (salonpas), kim châm, hay dụng cụ, v.v.

B. Nguồn gốc

VNĐƯLP đã được hình thành dựa trên ba nguồn y-học chính:

- Dân gian : Cạo gió, Giác hơi, Chích Lễ
- Cổ truyền : Châm cứu, Bấm Huyệt
- Hiện đại : Cơ thể học

C. Liên lạc và Trang Man chính của VNĐƯLP

Thầy Lý Phước Lộc email: lyphuocloc4067@gmail.com

VNĐƯLP blog: <http://vndongunglieuphap.blogspot.ca>

II. NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA VNĐƯLP

A. Đồng Ứng Trị Liệu Pháp

- 1) Phương pháp điều trị những bệnh chứng không dùng thuốc, không dùng kim châm, hay dụng cụ.
- 2) Chủ yếu bằng những phương tiện cơ hữu của bản thân: Ngón tay, Bàn tay, Cùi chỏ, Gót chân, v.v. Người trị bệnh vẫn có thể dò tìm, tác động chính xác vào Sinh Huyết theo Lý Đồng Ứng.

B. Lý Đồng Ứng

- 1) Theo Học Thuyết Âm Dương: Vạn hữu Không ngoài Âm Dương. Âm Dương tuy Dị mà Tương Đồng. Chúng có thể hóa giải hay hỗ tương, cùng phát triển, tồn tại theo quy luật của Vũ Trụ.
- 2) Mọi cơ quan Tạng Phủ của con người cũng theo quy luật Âm Dương. Chúng có mối tương quan mật thiết với nhau trong một khối thống nhất.

C. Sinh Huyết (SH)?

- 1) Sinh huyết là biểu hiện bất thường hay là Điểm nhạy cảm nhất của cơ thể khi cơ thể đã & đang có bệnh. * Chúng thường xuất hiện một cách có hệ thống.
- 2) Khi SH được phát hiện và tác động kịp thời, hiện tượng Cảm Ứng xảy ra ngay tức khắc như một Lực Đòn Bẩy đẩy đi những Rối loạn chức năng của cơ thể một cách kỳ diệu.
- 3) SH có ba dạng:
 - Thống điểm
 - Biểu hiện khác thường (mụn nhọt đỏ/ trắng, chỉ máu v.v.)
 - Bất Thống điểm

D. Tìm Sinh Huyết (SH) như thế nào?

- 1) Như đã nói SH là một biểu hiện thông tin bệnh lý, đồng thời là cửa ngõ của sự khai thông khí huyết, tái lập lại những trật tự của cơ thể. Do vậy ĐƯTLP lấy SH làm cơ sở cho việc Chẩn Trị; và công việc Chẩn Trị thường xảy ra đồng lúc.
- 2) Việc Chẩn Trị này đạt được Hiệu quả đến đâu tùy thuộc vào sự hợp tác & cảm thông giữa bệnh nhân và người điều trị.
- 3) Dựa vào thuyết Âm Dương, Tam Tài, Lý Đồng Ứng, Sinh Huyết được xác định theo ba yếu tố: Đồng Hình, Đồng Thế, và Đồng Thể.
 - Đồng về Hình: Đồng Dạng
 - Đồng về Thế: Động/Tĩnh, Cao/Thấp, Co/Thăng, v.v.
 - Đồng về Thể: Mềm/Cứng, Thô/Láng, Mỏng/Dày, v.v.

Thí dụ:

- Chỏ/Gối, Khuỷu/Kheo, Cổ tay/Cổ chân/Cổ gáy/Cổ Họng, v.v.
- Bụng/Kheo/Khuỷu, Ót/Gót, Nách/Háng, Mông/Vai/Gót, v.v.

E. Quan Điểm

1) Bệnh trạng có hai loại:

- Bệnh Chứng: Rối loạn Chức Năng
- Bệnh Tật: Tổn thương cụ thể (thuộc tiến trình Sinh, Lão, Bệnh, Tử)

2) Khi nhận định được SH, ai cũng có thể chữa được bệnh cho chính bản thân, gia đình, và người thân không phân biệt tuổi tác, Nam hay Nữ.

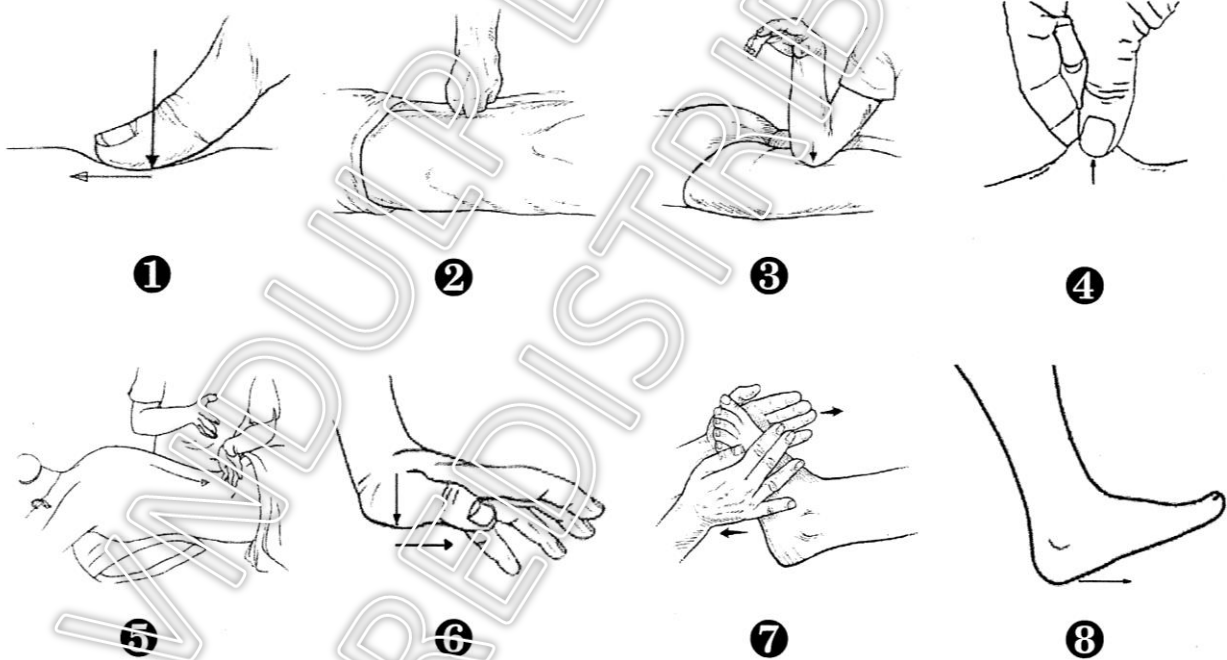
3) * Không ai chữa bệnh cho Mình bằng chính Mình *****

F. Tính Năng

- Đơn Giản - Hiệu Quả - Nhanh Chóng - Tự Nhiên - Dễ Học - Dễ Hành - Tự Tin

G. Phương Châm

- Phòng Bệnh hơn Chữa Bệnh
- Cứu Mình- Cứu Người

H. Thao Tác

III. ĐỒ HÌNH

Spinal Nerve Function

Every Cell of Your Body Has a Nerve Component

VERTEBRAL LEVEL	NERVE ROOT*	INNERVATION	POSSIBLE SYMPTOMS
C1	C1	Intracranial Blood Vessels	Headaches • Migraine Headaches
C2	C2	• Eyes • Lacrimal Gland	• Dizziness • Sinus Problems
C3	C3	• Parotid Gland • Scalp	• Allergies • Head Colds • Fatigue
C4	C4	• Base of Skull • Neck Muscles • Diaphragm	• Vision Problems • Runny Nose
C5	C5	• Neck Muscles • Shoulders	• Sore Throat • Stiff Neck
C6	C6	• Elbows • Arms • Wrists	• Cough • Croup • Arm Pain
C7	C7	• Hands • Fingers • Esophagus • Heart • Lungs • Chest	• Hand and Finger Numbness or Tingling • Asthma • Heart Conditions • High Blood Pressure
T1	T1	Arms • Esophagus	Wrist, Hand and Finger
T2	T2	• Heart • Lungs • Chest	Numbness or Pain • Middle Back Pain • Congestion • Difficulty Breathing • Asthma • High Blood Pressure • Heart Conditions
T3	T3	• Larynx • Trachea	• Bronchitis • Pneumonia
T4	T4		• Gallbladder Conditions
T5	T5	Gallbladder • Liver	• Jaundice • Liver Conditions
T6	T6	• Diaphragm • Stomach	• Stomach Problems • Ulcers
T7	T7	• Pancreas • Spleen	• Gastritis • Kidney Problems
T8	T8	• Kidneys • Small Intestine	
T9	T9	• Appendix • Adrenals	
T10	T10	Small Intestines • Colon • Uterus	
T11	T11	• Uterus • Colon • Buttocks	
T12	T12		
L1	L1	Large Intestines	Constipation • Colitis • Diarrhea
L2	L2	• Buttocks • Groin	• Gas Pain • Irritable Bowel
L3	L3	• Reproductive Organs	• Bladder Problems • Menstrual Problems • Low Back Pain
L4	L4	• Colon • Thighs • Knees	• Pain or Numbness in Legs
L5	L5	• Legs • Feet	
SACRAL	SACRAL	Buttocks • Reproductive Organs • Bladder • Prostate Gland • Legs • Ankles • Feet • Toes	Constipation • Diarrhea • Bladder Problems • Menstrual Problems • Lower Back Pain • Pain or Numbness in Legs

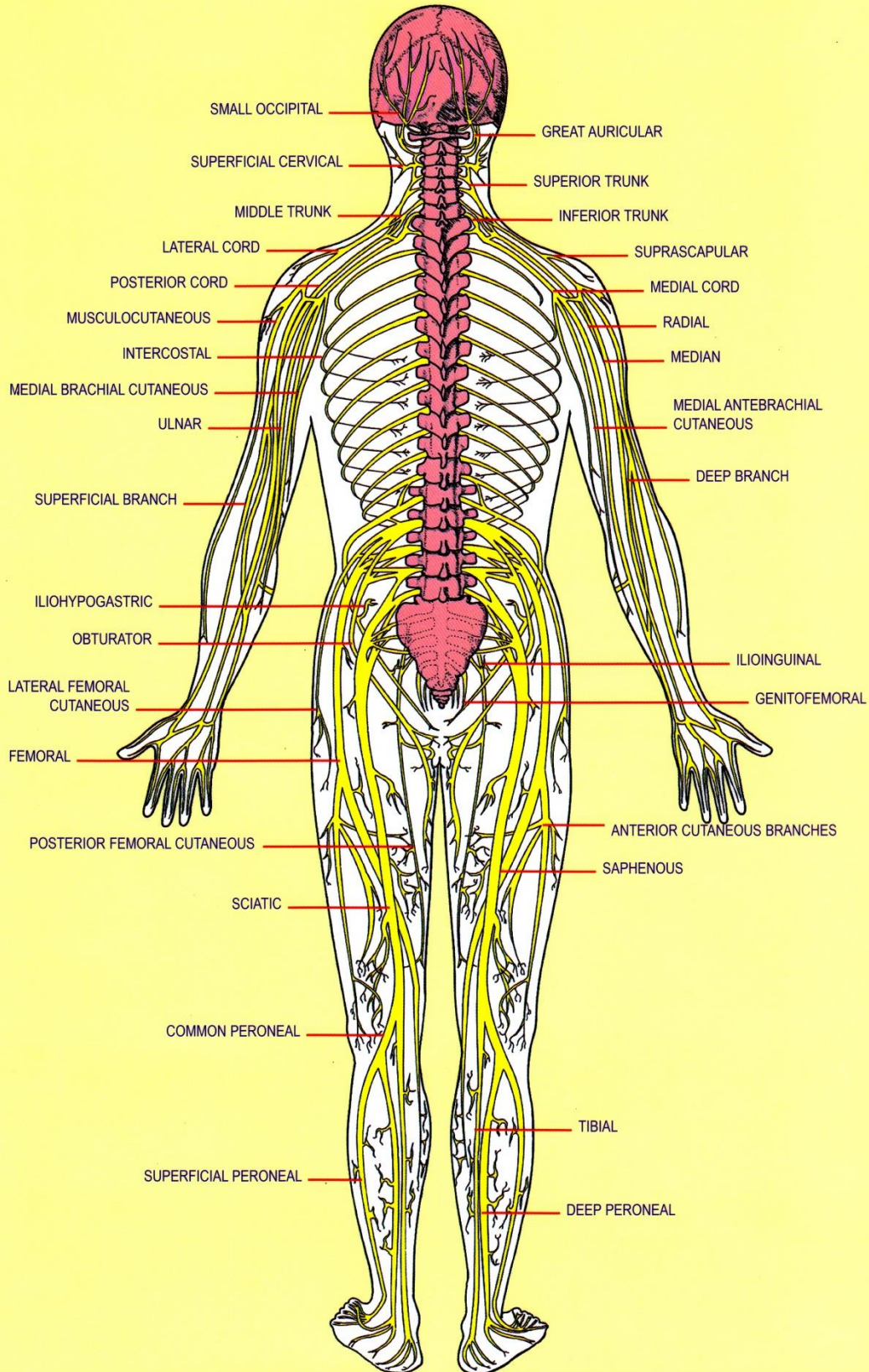
REFERENCES:
 Fix, J. D., Ph.D., *Neuroanatomy*, 3rd Edition, Lippincott Williams & Wilkins, 2002.
 Kandel, E. R., Schwartz, J. H., Jessell, T. M., *Principles of Neural Science*, Appleton & Lange, 1991.
 Hoppenfeld, S. M.D., *Physical Examination of the Spine and Extremities*, Appleton-Century-Crofts, 1976.
 Netter, F.H., M.D., *The Ciba Collection of Medical Illustrations, Vol 1, Nervous System, Part 1, Anatomy and Physiology*, Ciba Pharmaceuticals Division, Ciba-Geigy Corp, 1991.

Your nervous system is an extensive network that channels nerve impulses from your brain to virtually every cell that makes up your body.

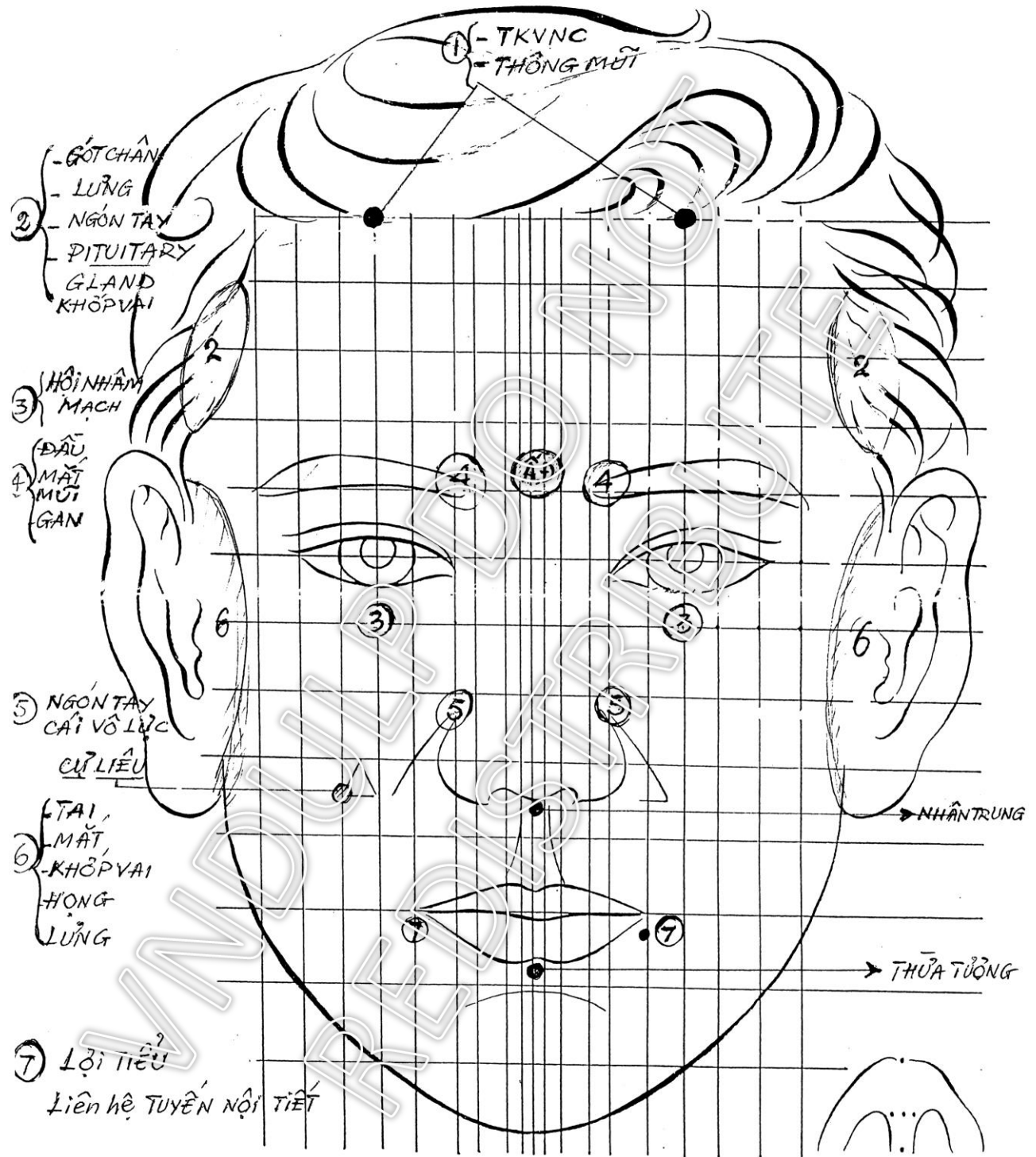
This chart shows some of the integral relationships between the spine, nervous system and body. For simplicity, this chart does not reflect all the structures or paths utilized in nerve transmission. *In some cases, nerve roots innervate other structures, such as nerve plexuses and ganglia which in turn supply innervations to specific body parts. If you have questions, please ask your Doctor of Chiropractic.

To Reorder: 800-950-8044 or parkershareproducts.com
 © 2005 Parker Share Products #22396

SPINAL NERVE DISTRIBUTION



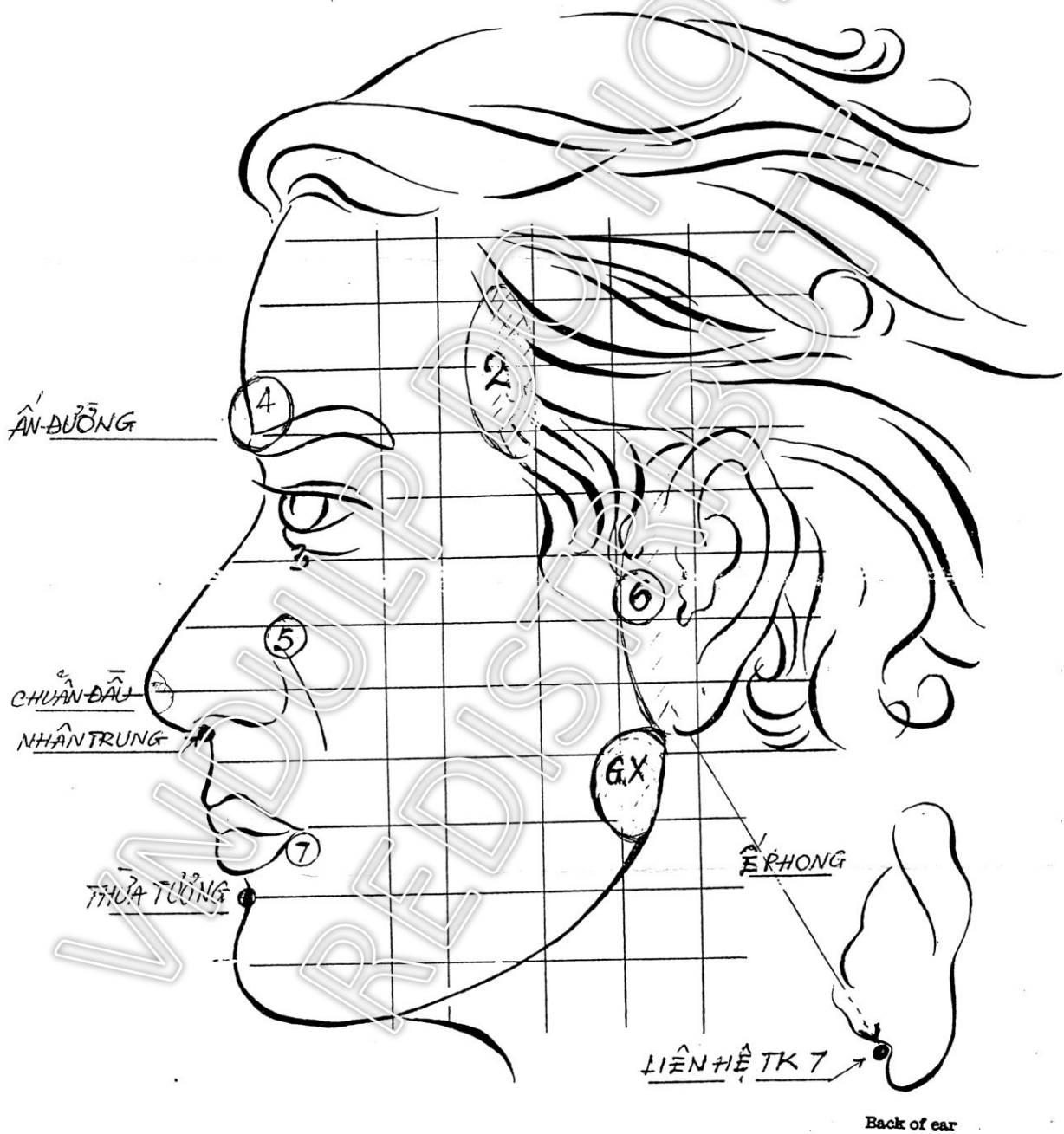
ĐỒ HÌNH CHÍNH TRÊN MẶT



Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

ĐỒ HÌNH MẶT (Nhìn Nghiêng) BỘ TIÊU VIÊM

TIÊU VIÊM TIÊU ĐỘC : SH + ÂN-ĐƯỜNG + CỰ LIÊU + CHUÂN-ĐẦU,
THỪA TƯỜNG, NHÂN TRUNG



Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

ĐỒ HÌNH PHẢN CHIẾU NGOẠI VI CƠ THỂ #1



Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

ĐỒ HÌNH PHẢN CHIẾU NGOẠI VI CƠ THỂ #2



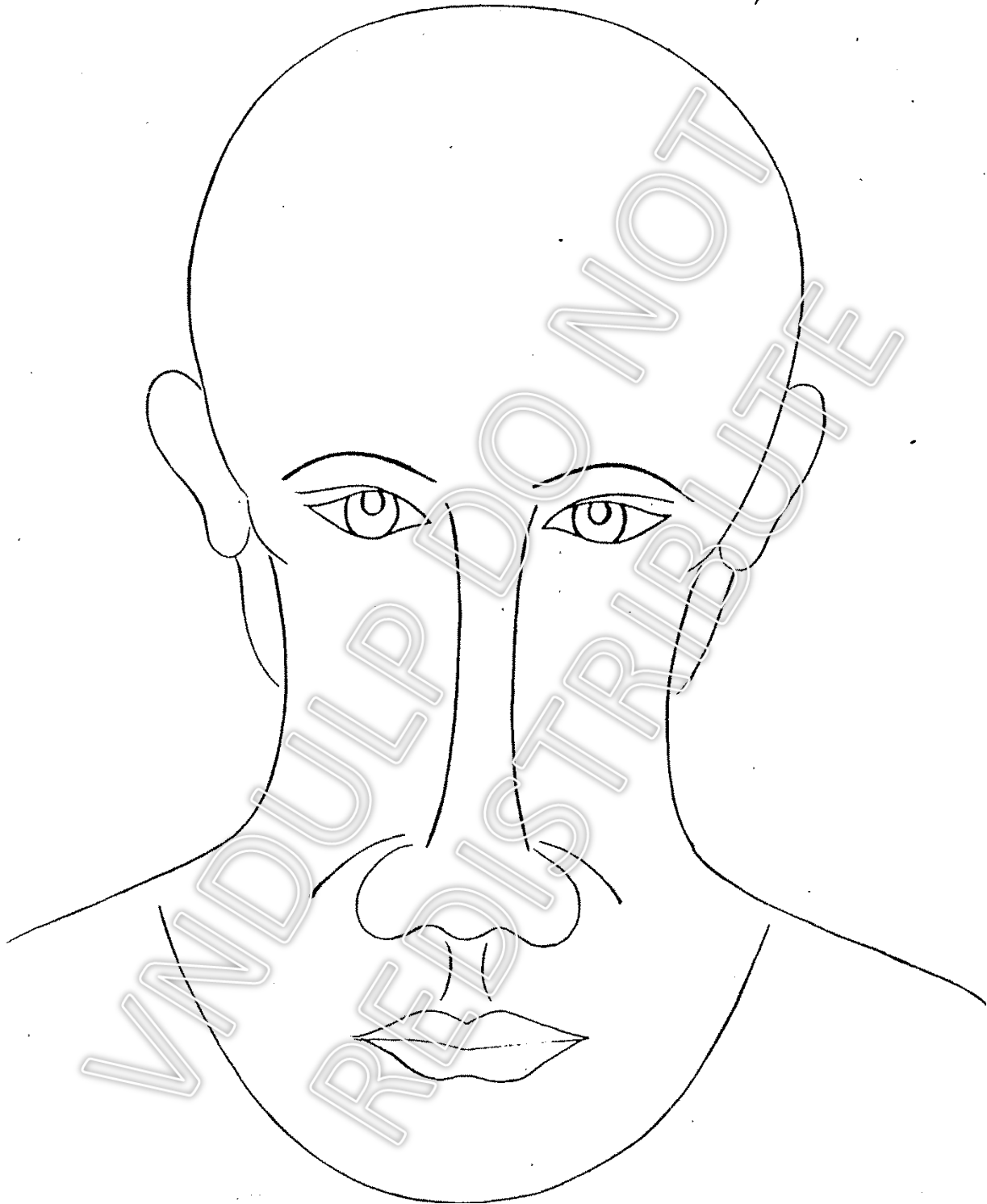
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

ĐỒ HÌNH PHẢN CHIẾU NGOẠI VI CƠ THỂ #6



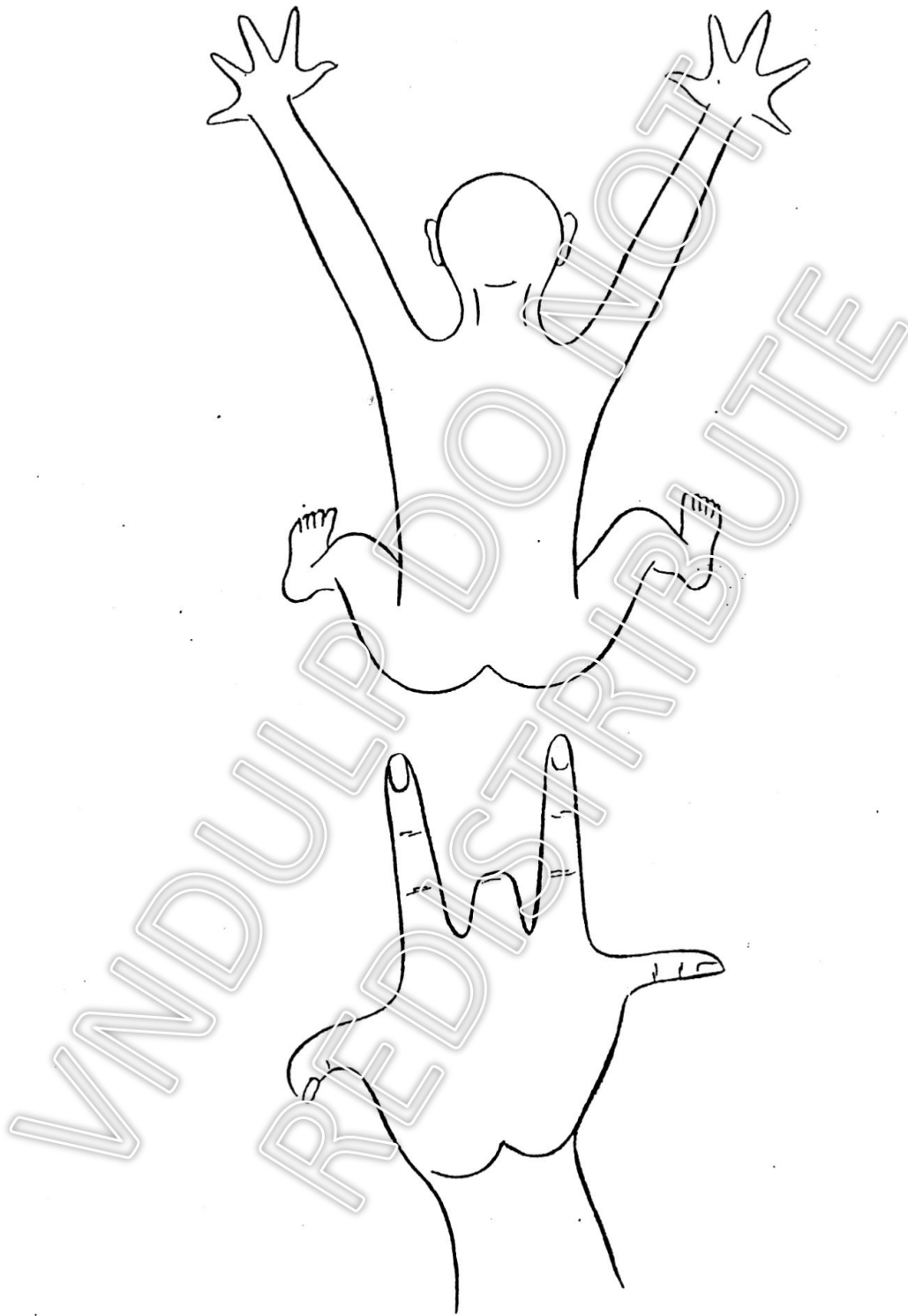
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

ĐỒ HÌNH PHẢN CHIẾU MẶT Ở ĐẦU VÀ CỔ GÁY



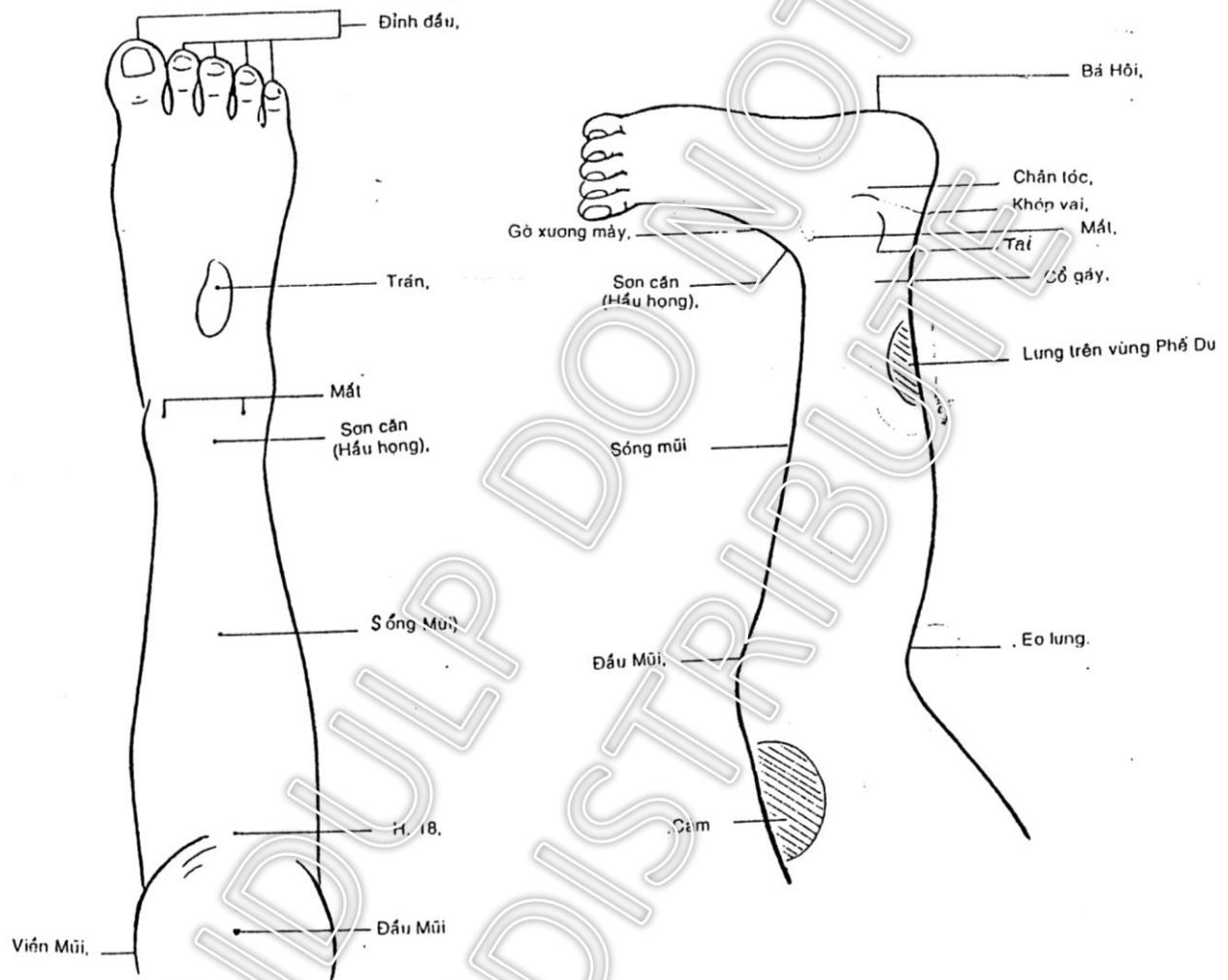
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

ĐỒ HÌNH PHẢN CHIẾU NGOẠI VI CƠ THỂ TRÊN BÀN TAY



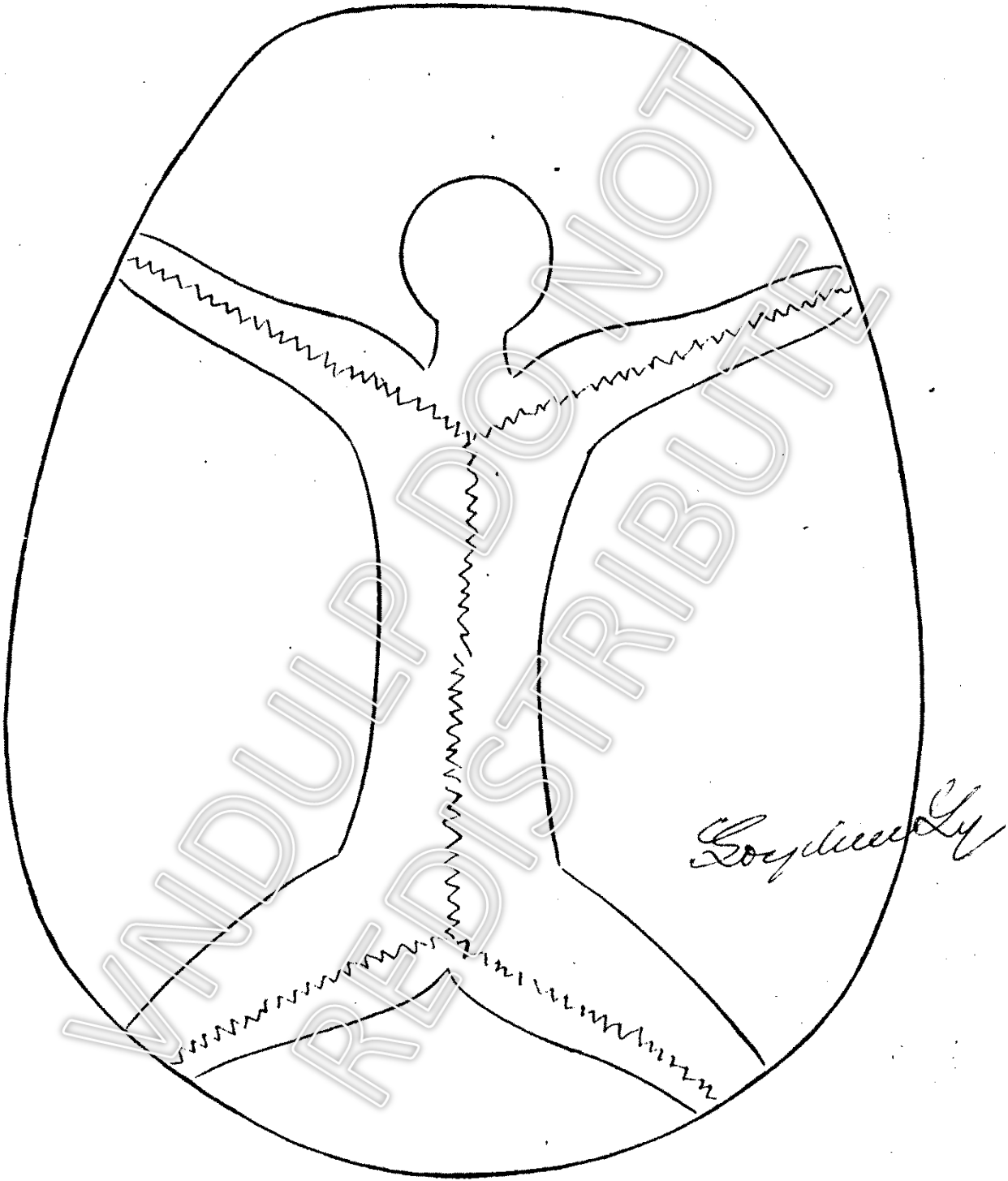
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

ĐỒ HÌNH PHẢN CHIẾU ĐẦU và MẶT TRÊN BÀN CHÂN, CẰNG CHÂN



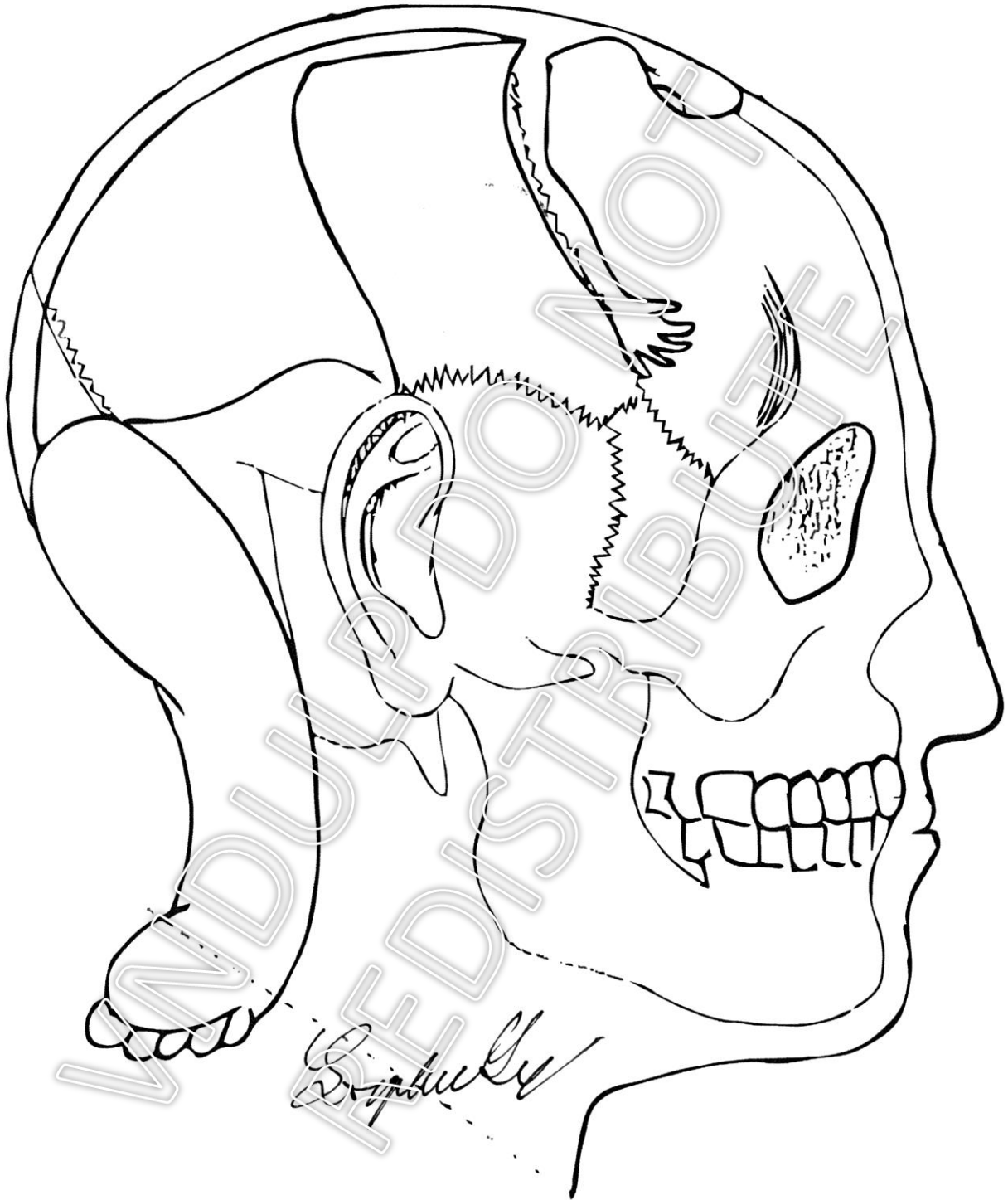
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

ĐỒ HÌNH PHẢN CHIẾU NGOẠI VI CƠ THỂ Trên Đầu



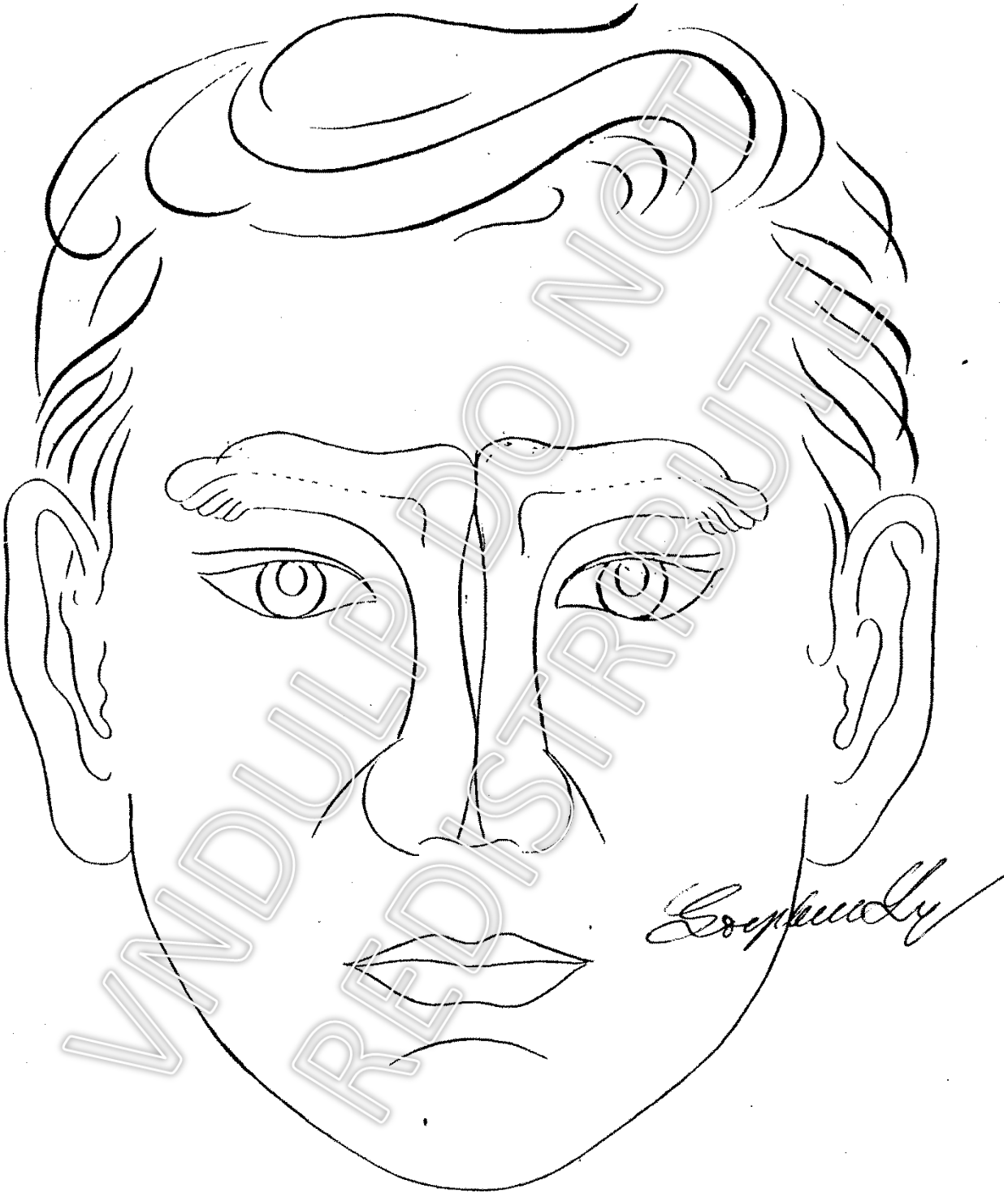
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

ĐỒ HÌNH PHẢN CHIẾU NGOẠI VI CƠ THỂ #16



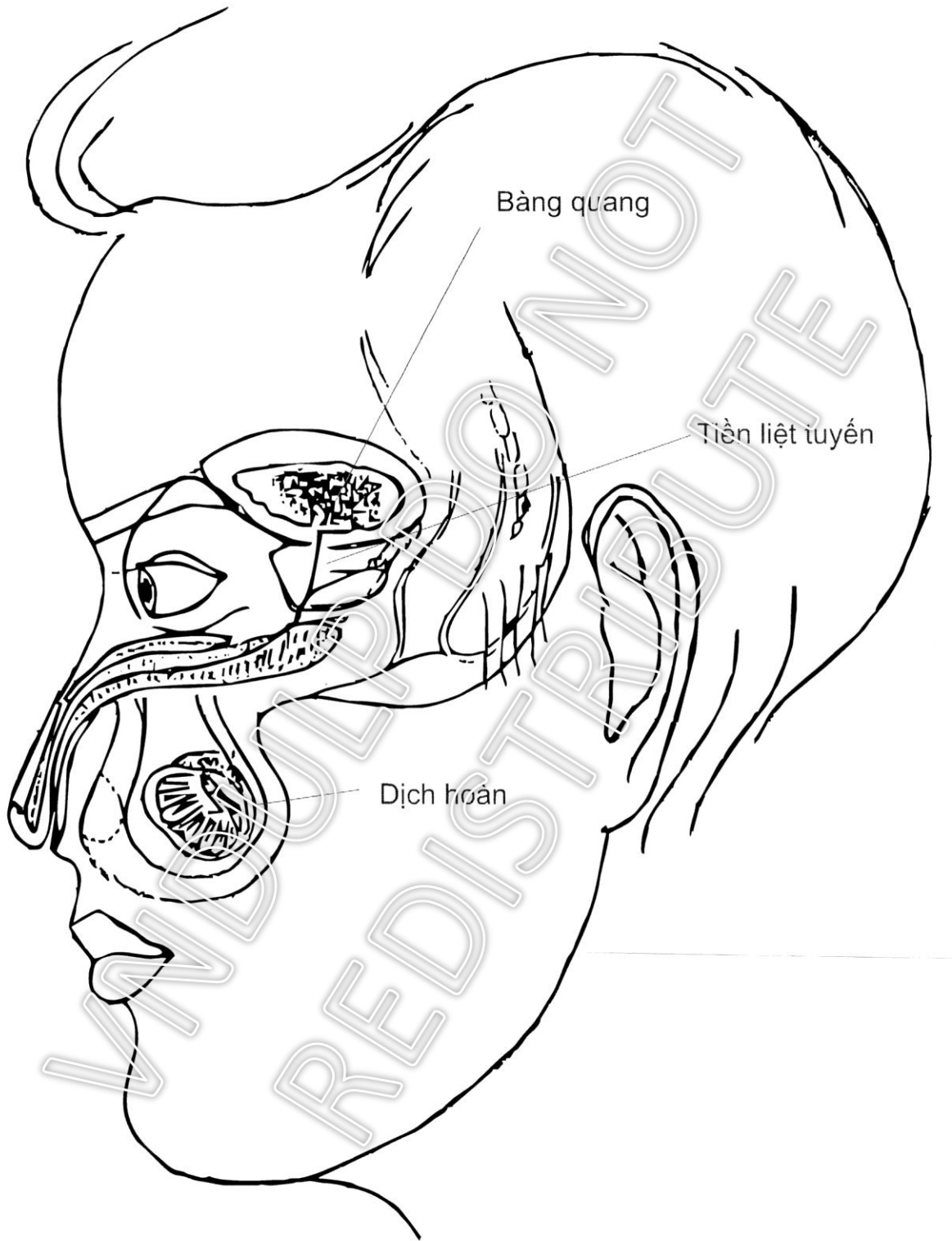
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

ĐỒ HÌNH PHẢN CHIẾU GỐI



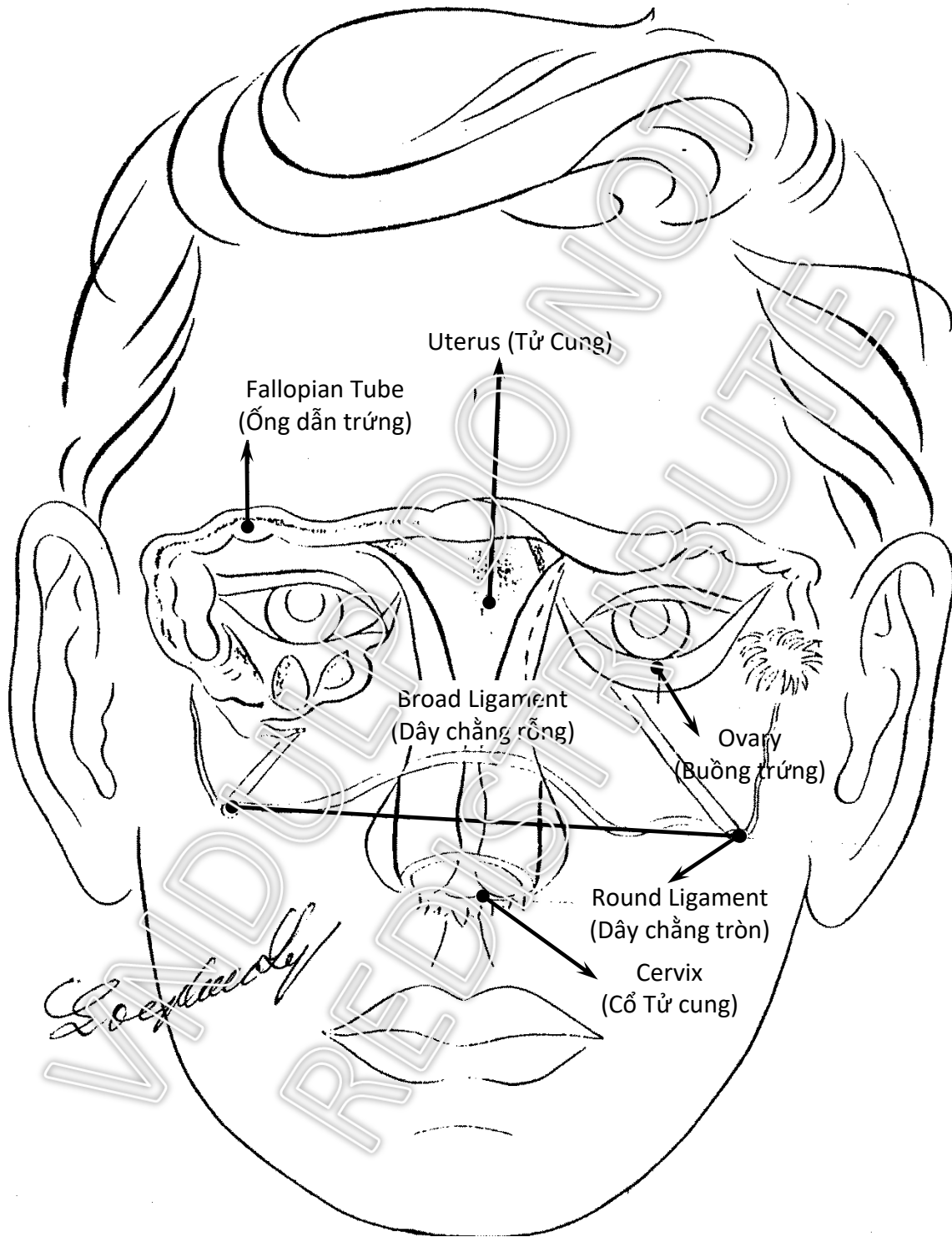
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

ĐỒ HÌNH PHẢN CHIẾU BỘ PHẬN SINH DỤC NAM TRÊN MẶT (Nhìn nghiêng)



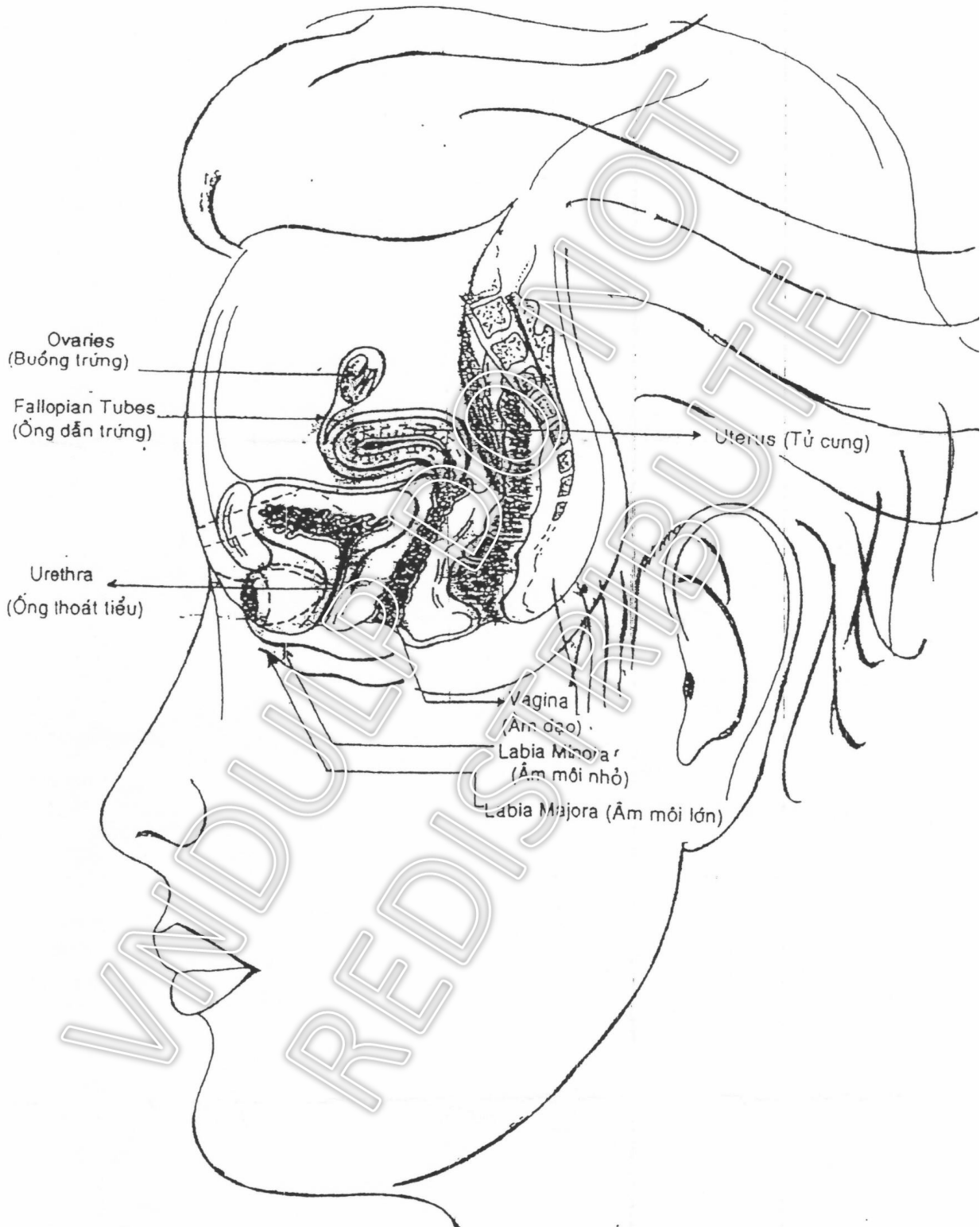
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

ĐỒ HÌNH PHẢN CHIẾU BỘ PHẬN SINH DỤC NỮ TRÊN MẶT



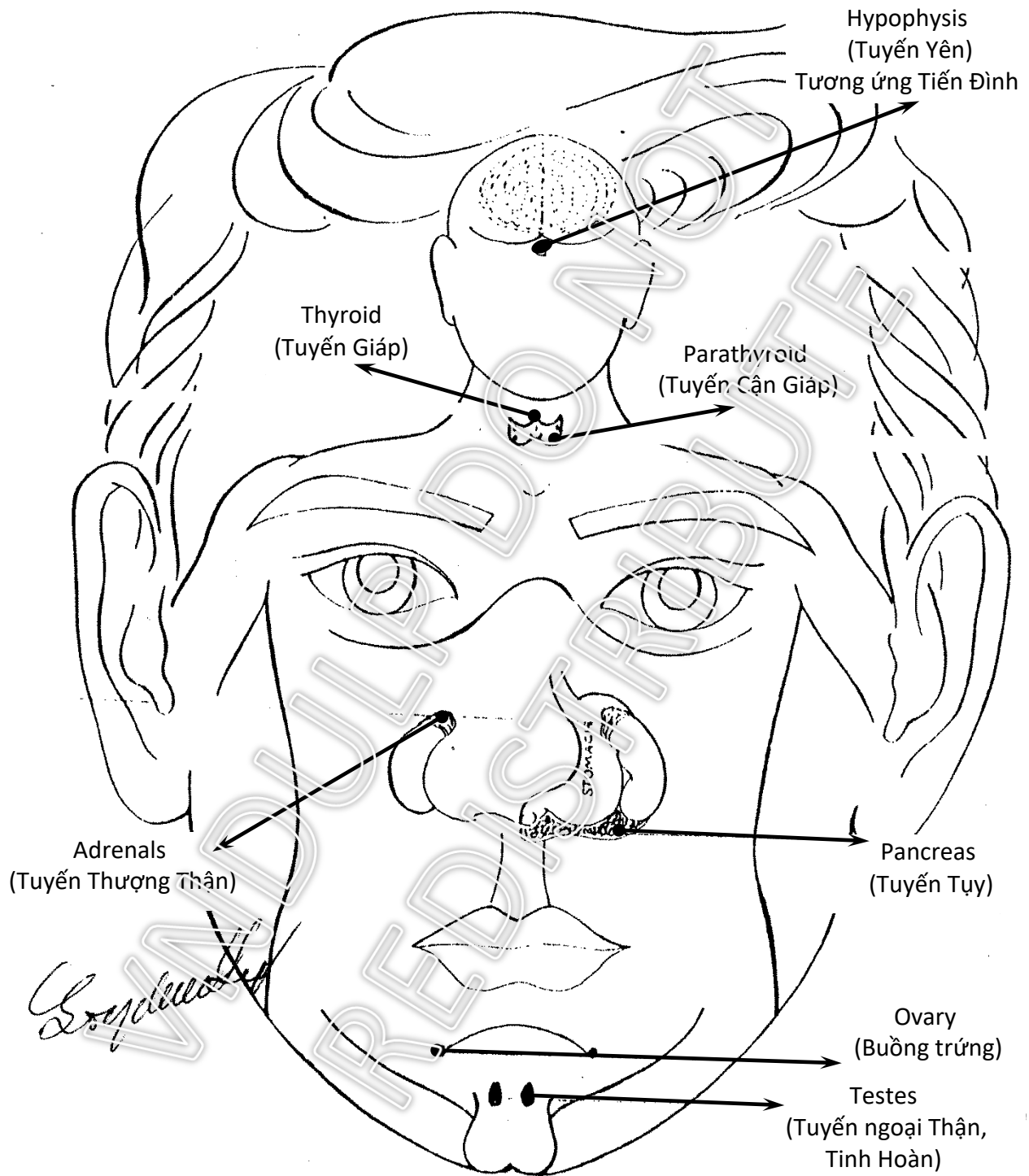
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

ĐỒ HÌNH PHẢN CHIẾU BỘ PHẬN SINH DỤC NỮ TRÊN MẶT (Nhìn nghiêng)



Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

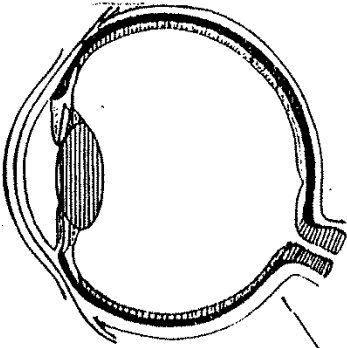
ĐỒ HÌNH PHẢN CHIẾU HỆ NỘI TIẾT



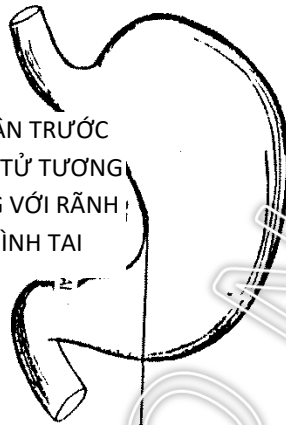
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

ĐỒ HÌNH PHẢN CHIẾU THAI NHI, CỘT SỐNG, THẬN, BAO TỬ, MẮT, HỔ CHẬU TRÊN LOA TAI

MẶT SAU LOA TAI ĐỒNG HÌNH VỚI VỔNG MÔ



THÂN TRƯỚC BAO TỬ TƯƠNG ỨNG VỚI RÃNH BÌNH TAI

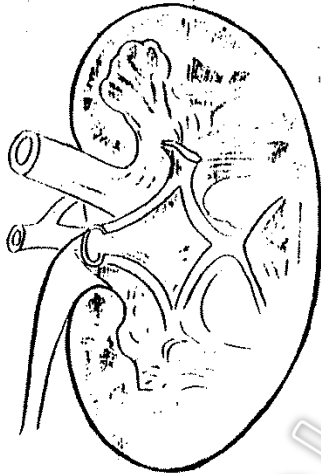


THÂN SAU BAO TỬ ĐỒNG HÌNH VỚI CHÂN TAI MẮT SAU

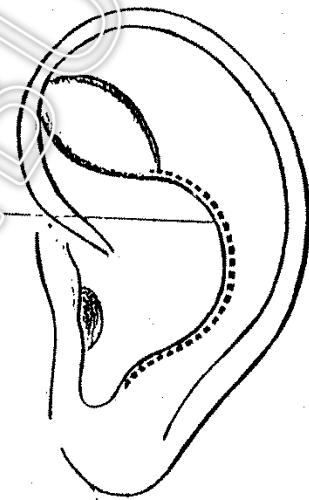


THAI NHI

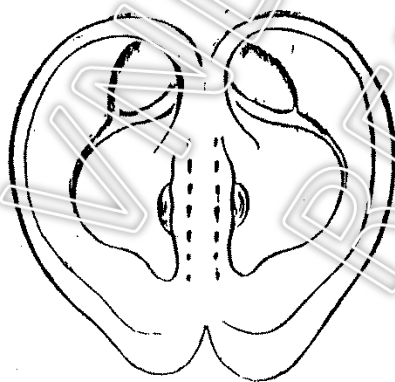
THẬN



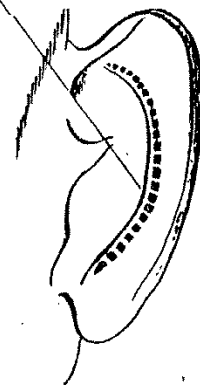
QUÁCH TAI ĐỒNG HÌNH VỚI CỘT SỐNG (PHÍA BỤNG)



HAI TAI ĐỒNG HÌNH VỚI HỔ CHẬU

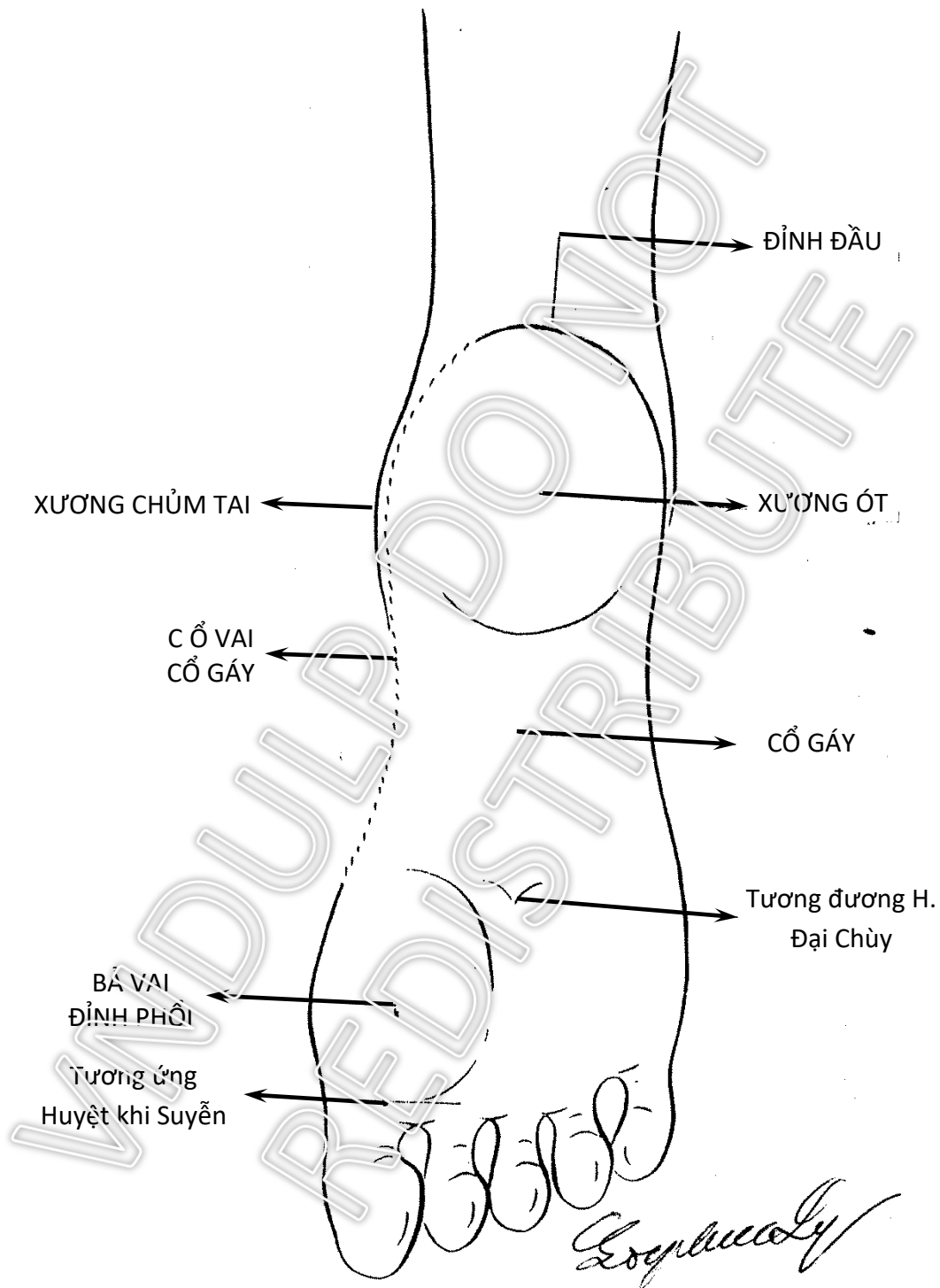


CUNG SAU LOA TAI ĐỒNG HÌNH VỚI CỘT SỐNG (PHÍA LƯNG)



Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

ĐỒ HÌNH PHẢN CHIẾU ĐẦU và CỔ GÁY TRÊN BÀN CHÂN#1



Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

IV. PHƯƠNG PHÁP TRỊ LIỆU

A. CÁC BỆNH VỀ ĐẦU, MẶT, CỔ / GÁY

1. Nhức đỉnh đầu

Hội chứng của gan

Cách khám và điều trị:

Xoa nắn mắt thứ nhất ngón chân cái (gần móng chân)



2. Nhức nửa đầu (Migraine headache, Thiên đầu thông)

Hội chứng của gan, mật

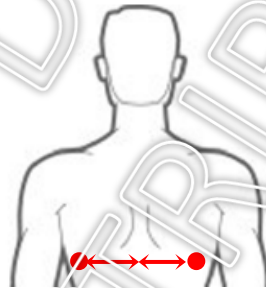
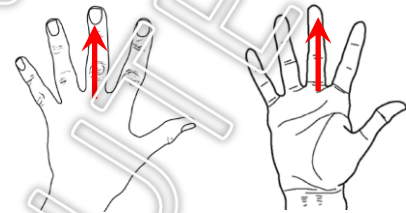
Cách khám và điều trị:

a) Trường hợp do gan

Khám 2 ngón tay giữa từ khớp ngón tay và bàn tay ra đầu ngón.

b) Trường hợp do tỳ vị

Điểm tiếp giáp giữa đáy xương bả vai và cơ nách



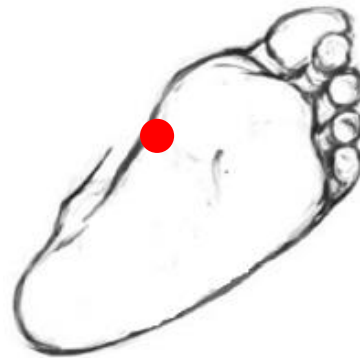
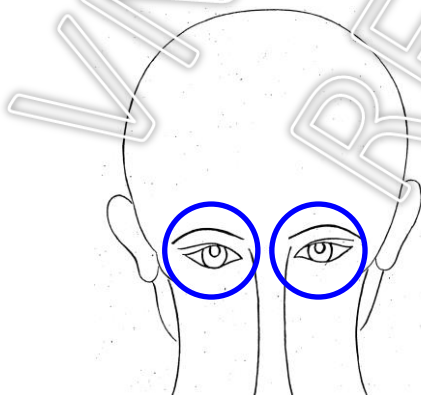
3. Nhức đầu ở trán

Hội chứng của tỳ

Cách khám và điều trị:

a) Vùng chẩm gáy đối xứng ở trán

b) Đối với trẻ con lưu ý 2 eo bàn chân trong; thường do ăn không tiêu.



4. Nhức đầu hai Thái Dương

Thường do cảm sốt

Cách khám và điều trị:

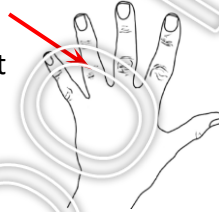
- a) Bóp mạnh từ 2 chân cổ gáy ra 2 đầu vai



- b) Bấm huyết Liệt Khuyết, là chỗ đầu ngón tay trở của bàn tay trái chạm trên cổ tay của bàn tay phải trong tư thế 2 bàn tay đan nhau. Huyết có hiệu năng đi chéo (bấm trái nhẹ phải và ngược lại)
Huyết trị nhức đầu 2 Thái Dương (dấu đậm ngay đầu ngón tay trở)



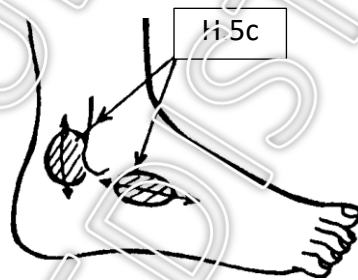
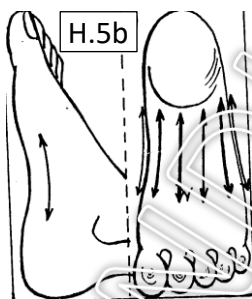
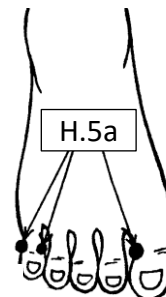
- c) Day ấn mắt giữa ngón tay Áp Út



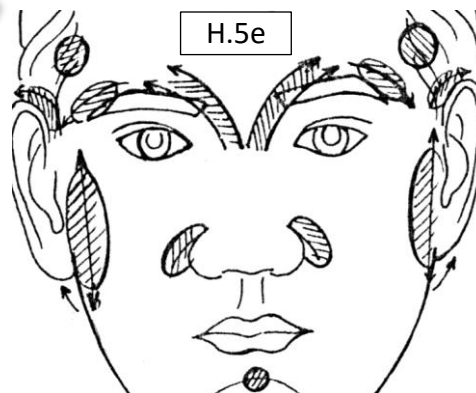
5. Nhức đầu chằm gáy

Cách khám và điều trị:

- a) Mắt thứ nhất ngón chân Cái cạnh ngón chân Trở, mắt thứ 2 ngón chân Út
b) Tác động eo bàn chân trong/ngoài, và dưới lòng bàn chân
c) Xung quanh mắt Cá chân ngoài trước & sau
d) Tác động các vùng Cổ tay, Mu bàn tay, mắt thứ nhất ngón tay Áp Út



- e) Tác động trên mặt các vùng: Sơn Căn, Đuôi mày, Thái Dương, Đỉnh Tai, trước và sau Tai, Pháp Lệnh, và Ụ Càm. Vùng nào nhạy cảm nhất là Sinh Huyết



6. **Chóng mắt (Dizziness)**

Triệu Chứng:

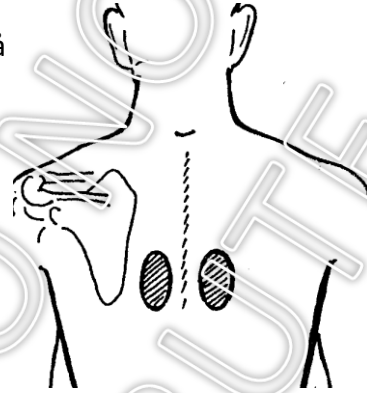
- Hoa mắt, xây xẩm thấy mọi vật nghiêng ngã, quay vòng ...
- Cổ nhắm mắt hay nằm yên có cảm giác như say sóng

Nguyên nhân:

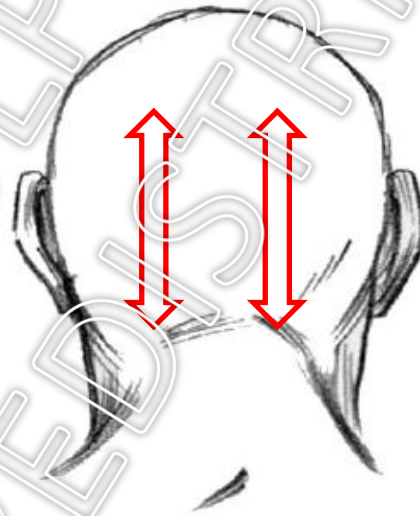
- Thường do huyết áp cao hay thấp

Khám & điều trị:

- a) Dùng cườm tay tác động 2 bên thangka lưng ngang đường đáy qua hai xương bả vai. Chỗ nào đau nhất đó là huyết.



- b) Dùng 10 đầu ngón tay tác động vùng hộp sọ theo 2 chiều lên xuống.



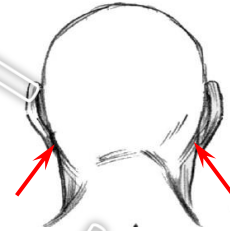
7. **Cứng gáy, Veo cổ**

Nguyên nhân và Triệu chứng:

- Trúng lạnh vùng cổ gáy
- Xoay trở khó, khi lái xe không thể quay đầu để de xe
- Muốn quay về 1 phía để nhìn đôi khi phải quay cả thân mình như 1 người máy

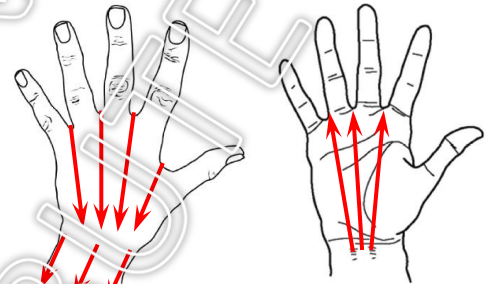
Khám và Điều trị:

a) Hơ cứu ngay lập tức vùng huyết Ế Phong sau dái tai



b) Bàn tay sắp:

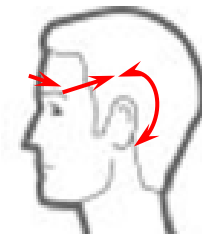
- Chà vuốt các kẽ ngón tay theo hướng từ ngoài vào trong cổ tay. Khi chà vuốt mở rộng kẽ tay theo tư thế ngón lên ngón xuống
- Vuốt kín theo 3 tuyến Cái, Giữa, Út từ cổ tay vào chỗ



c) Bàn tay ngửa:

- Chà vuốt theo hướng từ cổ tay ra các kẽ ngón tay

d) Chà vuốt từ 2 đầu mày đến đuôi mày vào chân tóc (Thái Dương), vòng qua 2 đỉnh lòa tai.



e) Tác động dọc hai bên Đại Chùy.



f) Mạt sau gối (khoeo chân)

g) Mạt thứ nhất hai ngón: chân Cái, Út



B. CÁC BỆNH Ở LƯNG

1. Cup Lưng (Lumbago)

Nguyên nhân và Triệu chứng:

- Cơ lưng bị co rút kéo dài trong lúc gắng sức
- Nhấc một vật nặng làm cơ bị co rút lại (muscle spasm)
- Không điều trị kịp thời và đúng cách, sự đau đớn sẽ kéo dài mãn tính.

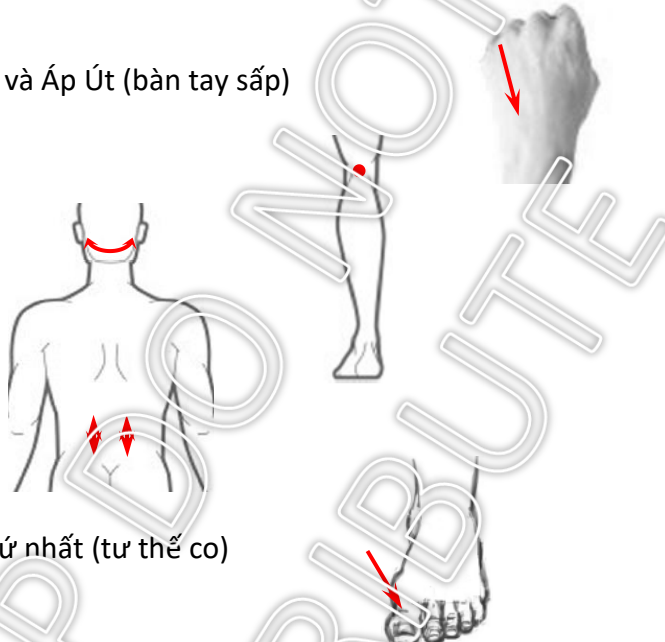
Khám và Điều trị:

a) Kẽ tay giữa 2 ngón út và Áp út (bàn tay sấp)

b) Khoeo chân

c) Lưng: hai thẳng
lưng vùng L1 và L5

d) Xương Ót



e) Ngón chân Cái mắt thứ nhất (tư thế co)

2. Đau Lưng

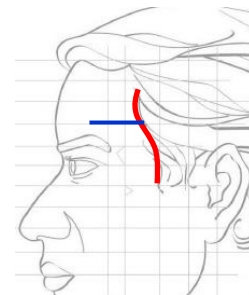
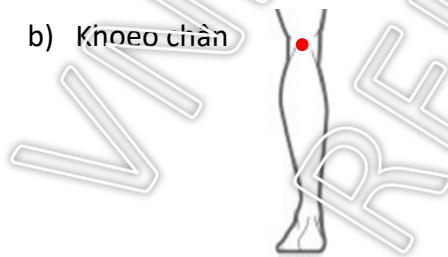
Nguyên nhân:

- Thoái hoá đốt sống lưng
- Thoát vị đệm đốt sống

Khám và Điều trị:

a) Một trong hai hên thái dương. Điểm gấp giữa vùng eo chân tóc và tuyến ngang chia đều 1/4 trán về phía lông mày

b) Khoeo chân



c) Ngón chân cái mắt thứ nhất. Nhớ bẻ ngón chân xuống lấy huyết



* Mỗi ngày kiên trì tập hai thế khí công: rắn ngọc đầu và võ gối.

3. Thần kinh toa

Triệu Chứng:

- Thường xuyên nhức mỗi một trong 2 chân ở vùng má ngoài đùi vế.
- Người bệnh khi ngồi thẳng lưng trên ghế, dơ thẳng chân bị đau lên không được
- Đi bộ không quá 15 phút, bị đau chân
- Đứng lâu thốn gót

Không kịp điều trị dần dần đi đến:

- Đau 1 bên hông - Đi đứng khó khăn
- Đau lói vùng háng. Thậm chí có người không nhấc được chân để mặc quần. Tệ hại sẽ hơn bị teo cơ.

Nguyên nhân:

- Do hệ thống cột sống bị suy yếu.
- Vô hoá cột sống
- Một trong các nhánh thần kinh Mạc Thiên (sacral plexus) bị chèn ép

Khám và Điều Trị:

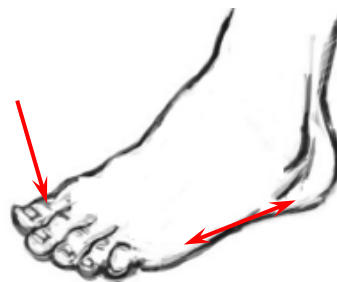
- a) Vùng Bả Vai sau gần điểm giao tiếp với cơ Delta và Khớp Vai:



- b) Vùng Gót chân trong



- c) Eo bàn chân tuyến ngón út
d) Ngón chân Cái mắt thứ nhất (bỏ ngón chân xuống để lấy huyết)



- e) Vùng Ót và Chấm Gáy (H.3a)

C. CÁC BỆNH LIÊN QUAN VỀ TAI MŨI HỌNG

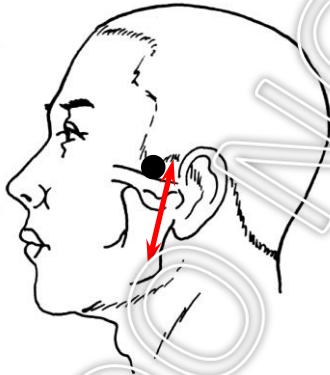
1. Tai ù, Lãng tai, điếc tai

Nguyên nhân:

- Thường do tai bị nhiễm trùng, hay té ngã

Điều trị:

- Tác động trước Bình Tai



- Tai ù do Tim đập nhanh (có tiếng thình thịch như đại bác nổ trong lỗ tai)
 - Tác động kẽ tay giữa hai ngón út và Áp út (hàn tay giữa)



- Viêm Tai giữa
 - Điều trị: Ba huyết Tam Thương (Thiếu Thương, Trung Thương, Lão Thương) trên ngón tay Cái
 - Hơ cứu mắt cá chân trong



2. Tai bị Ngứa và có Mủ Hôi Thối

Triệu Chứng:

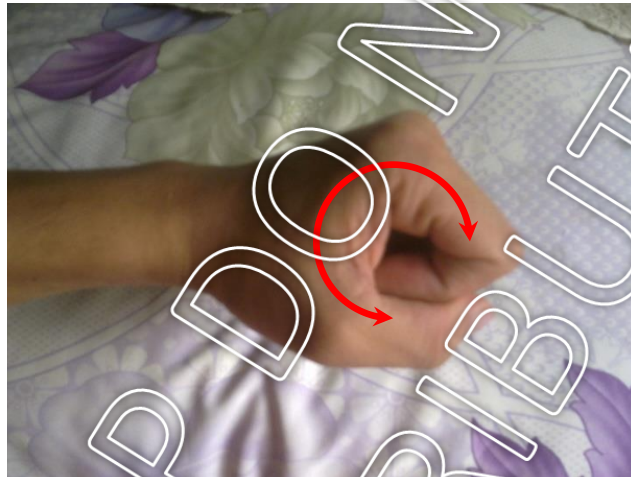
- Hai bên tai bị đau nhức, ngứa khó chịu, có mủ bên trong, và bốc mùi hôi thối

Nguyên nhân:

- Do nhiễm trùng hoặc thiếu vệ sinh

Điều trị:

- Nói bệnh nhân nắm hai bàn tay lại như hình loa tai, xong lấy máy sấy tóc hơi trên vùng ngón Cái và Trỏ. Nếu có hiện tượng Đồng Ứng, thì bệnh nhân cảm thấy nóng rát ở chỗ sấy; đồng thời nóng và giựt giựt ở bên trong lỗ tai.



- Sau đó bấm thêm bộ huyết Tiêu Viêm (Ấn Đường, Cự Liêu, Chuẩn Đầu, Thừa Tương, Nhân Trung. Xem hình bộ Tiêu Viêm trang 10)

D. CÁC BỆNH VỀ MẮT

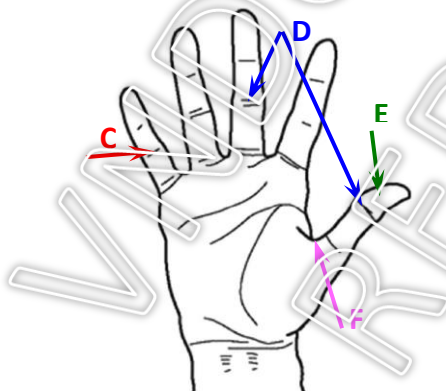
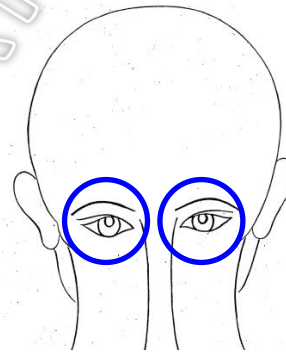
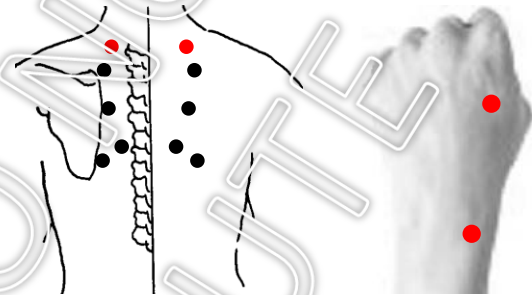
1. Các bệnh thông thường về mắt

Những triệu chứng:

- Cườm mắt (cataracts)
- Mắt bị viêm hoàng điểm
- Lẹo mắt
- Mi mắt bị run giật
- Hội chứng liệt mặt
- Cảm giác mắt có ruồi bay

Khám & Điều trị:

- a) Dọc theo hai rãnh xương bả vai (chấm đen)
- b) * Nếu do hội chứng liệt mặt: day ấn 1 trong 2 bên Đại Chùy (chấm đỏ), rigang đốt sống cổ C7
- c) Cảm giác mắt có ruồi bay
 - Day bấm trên mu bàn tay và cổ tay
- d) Nếu Mắt bị chói nắng
 - Bấm mắt giữa ngón tay út (mũi tên C màu đỏ)
- e) Thị lực kém
 - Mắt giữa Ngón tay giữa (mũi tên D màu xanh dương)
 - Mắt thứ nhất ngón tay Cái (mũi tên D màu xanh dương)
 - Vùng Phong Trì sâu Gáy



- f) Viêm Giác mạc
 - Đường chỉ văn mặt trong ngón tay Cái (mũi tên E màu xanh lá cây)
- g) Mắt mộng thịt
 - Nếp nhăn thứ hai ngón tay Cái (khớp ngón tay Cái và bàn tay ngửa, mũi tên F màu hồng)

2. **Nhức hốc mắt (Orbital pain)**

Triệu chứng:

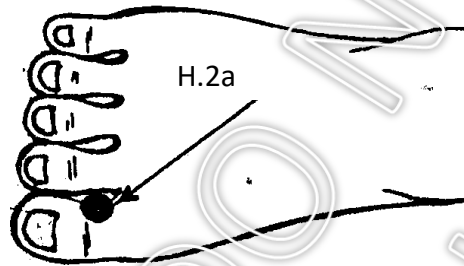
- Thường nhức vùng hốc mắt trên, mắt khi thấy rõ, khi mờ
- Mỗi sáng vừa thức dậy đầu nhức vùng chẩm gáy, đôi khi thấy vùng đầu mày bị sưng

Nguyên nhân:

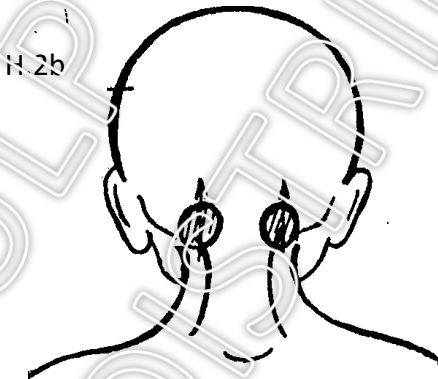
- Có thể do Mắt Viêm Xoang, hay Tim mạch.

Khám & Điều trị: *Trong khi chờ đợi BS. Bạn có thể tác động vào các vùng:

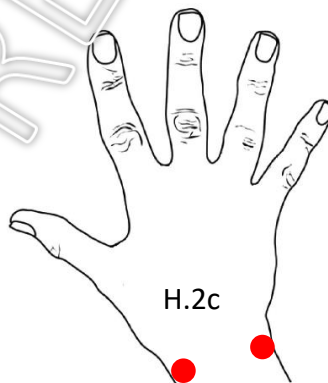
- a) Ngón chân Cái mắt thứ nhất



- b) Ót chỗ lõm 2 bên gân cổ



- c) Cổ Tay (bàn tay xấp. Huyệt thương ở chỗ tiếp giáp của hai làn da thô và láng)



3. Mắt không đảo nhãn (Oculomotor Paralysis)

Triệu chứng:

- Một trong 2 mắt không liếc được
- Người bệnh không điều khiển chính xác mọi hoạt động vì luôn thấy 2 ảnh của 1 vật, nhưng không phân biệt được đâu là ảnh thật, đâu là ảnh giả
- Thường xuyên nhức đỉnh đầu & chẩm bộ
- Mất ngủ

Nguyên nhân:

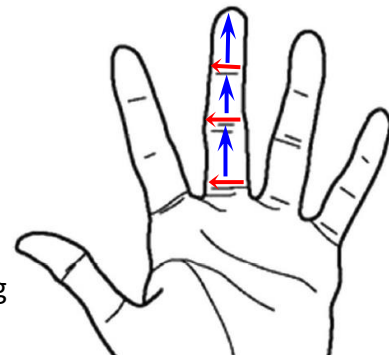
- Chấn thương vùng đầu
- Khối u ở não liên quan đến Thần Kinh Vận Nhãn Chung

Khám & Điều trị:

- a) Huyệt đặc trị về mắt & mũi: điểm gặp giữa tuyến dọc qua trung tâm con người & tuyến ngang chân mí tóc trán.



- b) Ngón tay giữa. Dùng bất kỳ nguồn lửa nào hơ cứu các mắt ngón tay giữa theo thứ tự từ trong bàn tay ra đầu ngón. ***Hướng tác động theo chiều ngang của chỉ tay.



- c) *** Trường hợp chỉ sụp mí mắt: hướng tác động của nguồn lửa theo chiều dọc thẳng góc qua trung tâm lần chỉ ngang của ngón tay. Huyệt báo bệnh thường là mắt tay giữa.

4. **Mắt quáng gà (Hemeralopia)**

Triệu chứng:

- Mỗi buổi chiều mặt trời vừa sắp lặn, người bệnh không thấy rõ mọi vật dù là ở tuổi thanh niên.
- Thị lực kém vào những giờ gà về chuồng nên đặt tên như vậy.

Nguyên nhân:

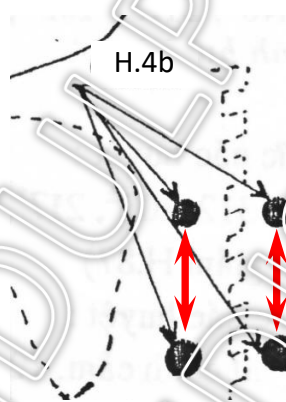
- Trong khi chờ đợi bác sĩ nhãn khoa chẩn đoán do tế bào thị giác nào?

Khám & Điều trị: chúng ta có thể áp dụng 1 số huyết sau theo VNĐƯLP

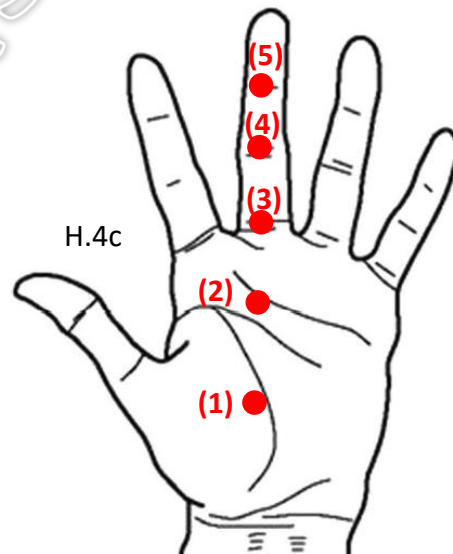
a) Tác động từ hai Thái Dương vòng qua hai đỉnh Tai đến vùng Châm Bộ



b) Vùng lưng (đọc theo 2 thẳng lưng & rãnh xương Bả Vai)



c) Lòng bàn tay, hơ cứu theo thứ tự 5
Sinh Huyết từ gót bàn tay ra đầu ngón



5. Chảy Nước Mắt Sống

Điều trị:

- Vùng huyết Thượng Tinh



- Mắt thứ nhất ngón tay Cái theo hướng từ móng vào cổ tay
- Cơ Nách (đáy bả Vai, hình 5C)

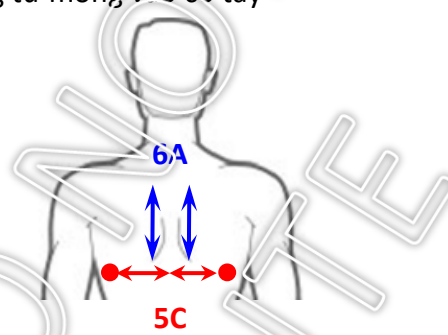
6. Khô Nước Mắt

Nguyên nhân

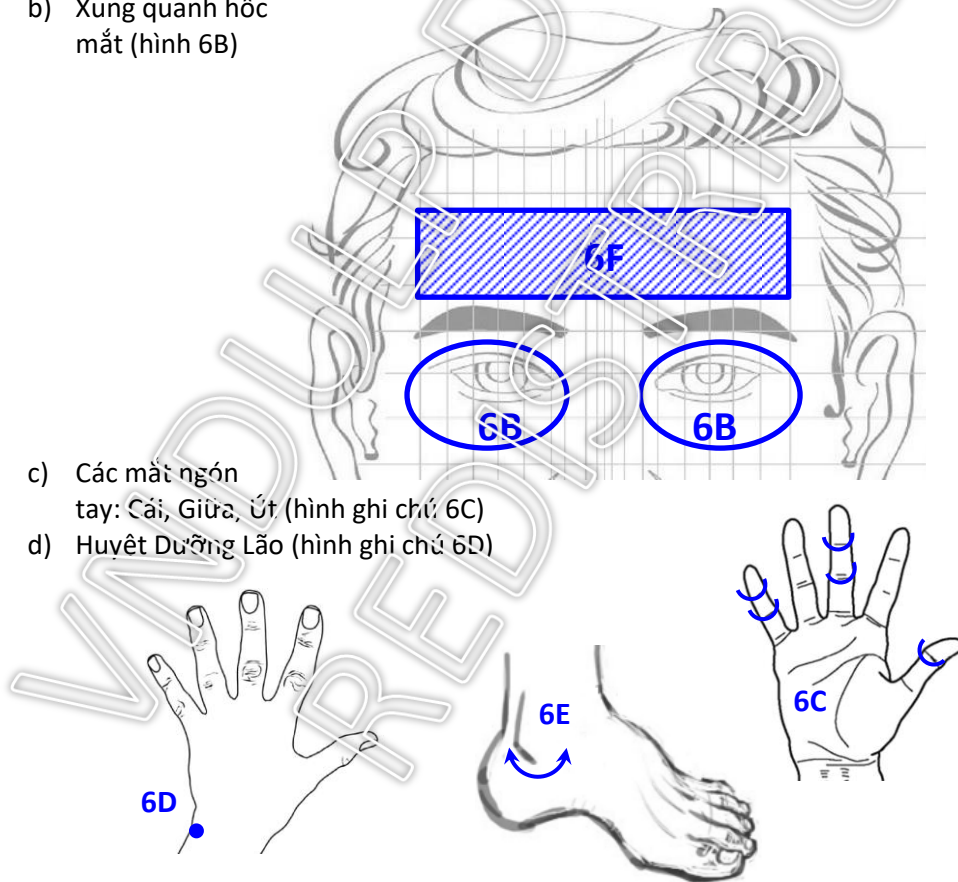
- Thường do viêm tuyến Lệ

Điều trị

- Các vùng huyết dọc Thẳng Lưng và xương bả Vai (hình ghi chú 6A)
- Xung quanh hốc mắt (hình 6B)



- Các mắt ngón tay: Cái, Giữa, út (hình ghi chú 6C)
- Huyết Đường Lão (hình ghi chú 6D)



- Mắt Cá Chân trong (hình ghi chú 6E)
- Vùng Trán trên cung Mày (hình ghi chú 6F)

E. CÁC BỆNH VỀ HÔ HẤP

1. Ho (Common Cough)

Triệu chứng: Nếu không có những triệu chứng nguy hiểm như

- Ho khan sau bữa ăn, nôn mửa hoặc khạc ra máu
- Ho dữ dội như bể ngực với tiếng trầm & thường tức ngực

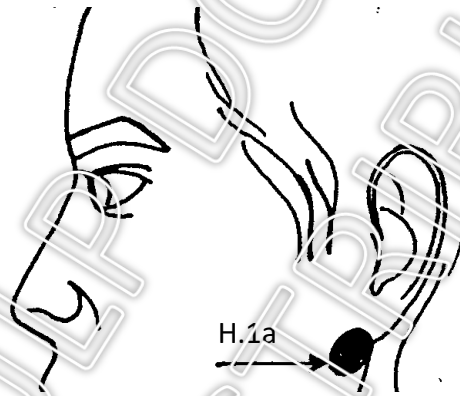
Nguyên nhân:

- Có thể sau cơn cảm kéo dài hoặc sau khi sanh nở tắm giặt sớm.
- Dị ứng thức ăn hay thời tiết hoặc một sự nhiễm lạnh đột ngột mà không nhận biết.

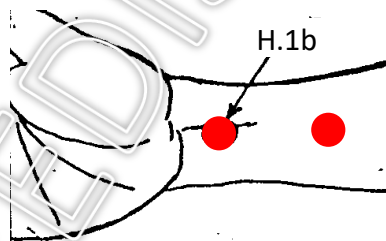
*** Trong phạm vi chữa bệnh không dùng thuốc, chúng tôi chỉ đề cập đến những cơn ho vô ích mà y học hiện đại thường không thấy nguyên nhân nhưng làm người bệnh khổ sở không ít!

Khám & Điều trị:

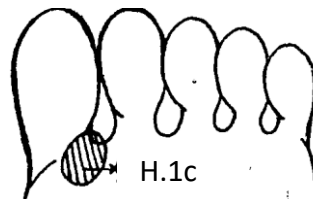
- a) Trước & sau tai (đặc biệt trước dái tai & cạnh càm)



- b) Cổ tay trong vùng huyết Nội quan đến Đại Lãng



- c) Ngón chân cái (mặt dưới)



2. Viêm họng (Sore Throats)

Triệu Chứng:

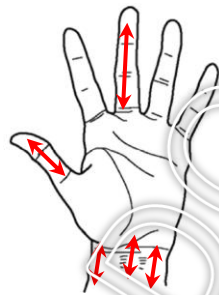
- Thường xuyên ngứa cổ & bắt ho liên tục hoặc khó chịu trong họng phải khạc nhổ luôn.
- Trầm trọng hơn làm mất ngủ, cảm xơ mũi dai dẳng

Nguyên nhân:

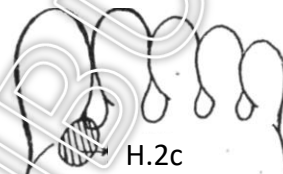
- Viêm họng thường là hậu quả của bệnh cảm trị không dứt gốc.
- Sức đề kháng suy yếu.

Khám & Điều trị: theo 5 vùng sau

- a) Vùng Dái Tai (sinh huyết thường báo nam trái, nữ phải)
***Nhớ há miệng nhỏ trước khi lấy huyết. Khi vuốt ngậm miệng lại
- b) Cổ tay trong
- c) Khớp ngón tay Cái & bàn tay ngửa
- d) Khớp ngón tay Giữa & bàn tay ngửa



- e) Khớp ngón chân Cái & mặt dưới bàn chân



H.2c

3. Suyễn (Asthma)

Triệu Chứng:

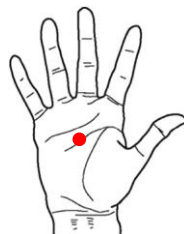
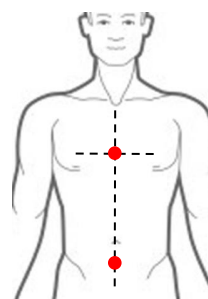
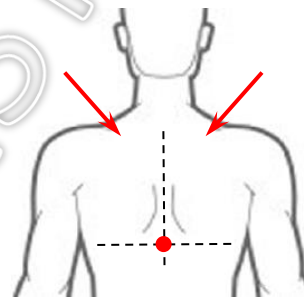
- Nặng ngực thở khò khè, thở khó như cá ngộp nước

Nguyên nhân:

- Do Phế Thận suy yếu.

Khám và Điều trị:

- a) Vùng Chí Dương (ở sau lưng đối xứng với huyết Đản Trung)
- b) Vùng Kiên Ngoại Du ở hai bên cổ vai lưng
- c) Khí Hải (dưới rốn 3 thốn)
- d) Đản Trung (giao điểm của hai nhũ hoa và giữa ngực)
- e) Lao Cung (trong giữa lòng bàn tay)



4. **Ngủ bở thở (Sleep Apnea)**

Triệu chứng:

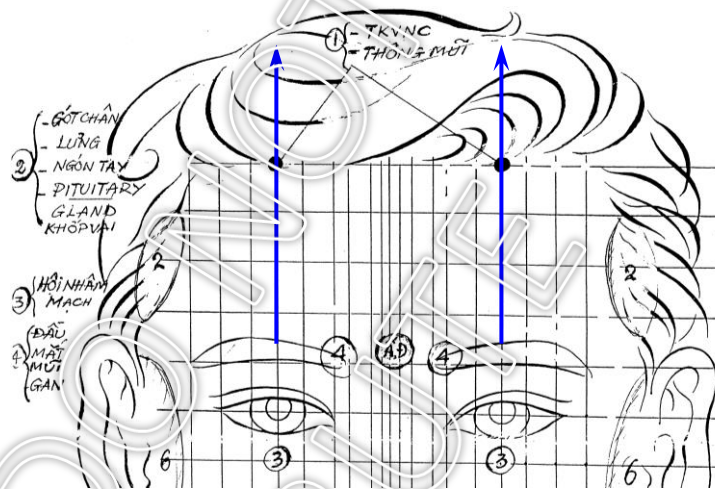
- Ngủ ngáy lớn vì mũi không thở

Nguyên nhân:

- Suy hô hấp ảnh hưởng đến tim mạch

Khám & Điều trị:

- Day ấn vùng Chí Dương (xem hình bệnh asthma)
- Xoa vuốt vùng Lao Cung (xem hình bệnh asthma)
- Dùng hai đầu ngón tay Cái vuốt từ giữa lông mày qua huyết đặc trị Mắt & Mũi ở mí tóc trán vào giữa đỉnh đầu (thông mũi, vùng huyết số 2)



5. **Tức năng ngực (Chest pain)**

Triệu chứng:

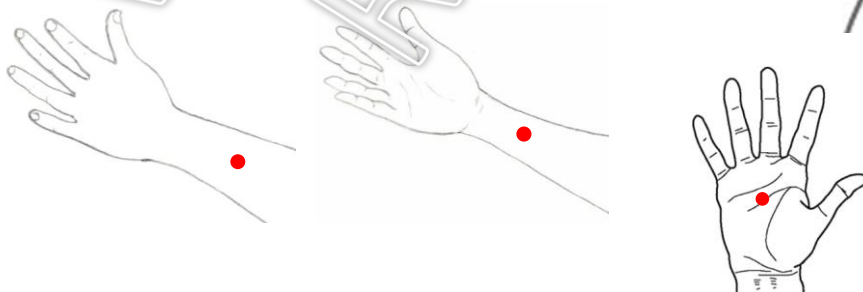
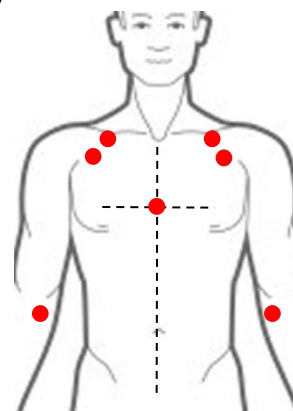
- Đau lói giữa ngực như nghẹn thở

Nguyên nhân:

- Do khí uất kết
- Đôi khi không rõ nguyên nhân
- * Trước mắt phải cấp cứu ngay chứng đau nguy hiểm này

Khám và Điều trị:

- Vùng Đản Trung (huyết là giao điểm giữa tuyến ngang 2 nhũ hoa và tuyến dọc qua trung tâm của xương mỏ ác)
- Hai vùng huyết Vân Môn và Trung Phủ (gần nách và tuyến ngang xương lồng ngực số 1)
- Hai má trong khuỷu tay vùng huyết Thiếu Hải
- Cổ tay sấp vùng Tam Dương Lạc và cổ tay ngửa đối xứng vùng Tam Dương Lạc



- Vùng huyết Lao Cung

F. TIM MẠCH

1. Tim đập nhanh (Throbbing)

Triệu chứng:

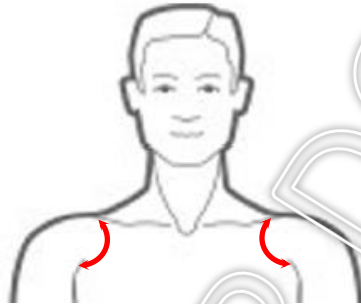
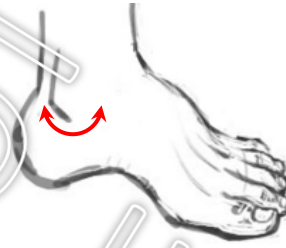
- Tim đập nhanh làm hồi hộp, tai nghe cả tiếng tim đập

Nguyên nhân:

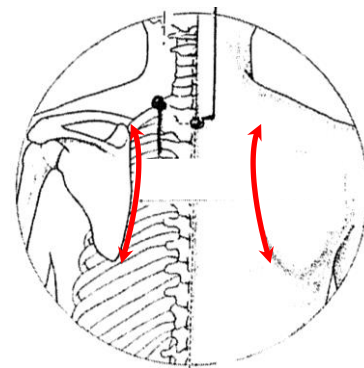
- Tim Mạch

Khám & Điều trị:

- a) Hai gót chân trong (dọc theo khớp mắt cá chân từ hướng cổ chân trước vào gót)
- b) Đầu 2 khớp vai trước (vùng huyết Vân Môn, Trung Phủ)



- c) Bàn tay ngửa 3 huyết
- d) Hai bên viền mũi má, dùng sóng bàn tay tuyến ngón út vuốt từ đầu mày & sơn Căn đến bông má



- e) Kẽ tay giữa 2 ngón út & Áp út (bàn tay ngửa)
- f) Tác động dọc theo hai đường cong của rãnh xương bả vai và lưng

2. Tai Biến Mạch Máu Não / Đột Quy (Stroke)

Triệu chứng:

- Nặng : Ngay sau cơn Đột Quy , hôn mê sâu, Á khẩu, sùi bọt mép, đa số đều tử vong
- Nhẹ: Sau cơn choáng, té ngã thành linh, lưỡi đờ, HA (Huyết Áp) lên rất cao. Tay Chân phải hoặc trái mất cảm giác không điều khiển được; Miệng méo; tiếng nói khó nghe; ăn uống khó nuốt; khóc cười không tự chủ.

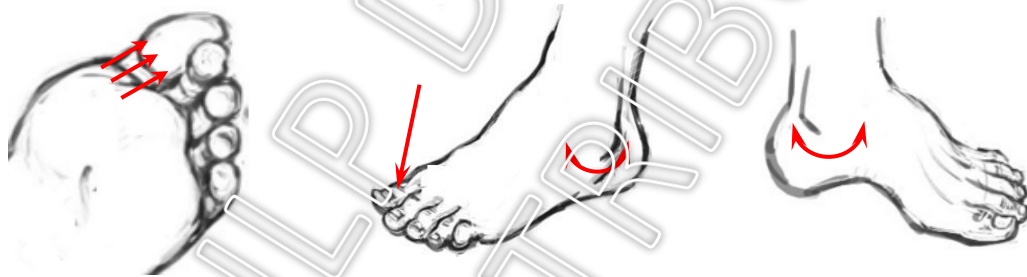
Nguyên nhân:

- Hầu hết các trường hợp xảy ra thường ở người bị cao HA
- Một số ít trường hợp xảy ra với người có HA thấp.
- *** Có thể nói HA là nguyên nhân nhưng thủ phạm chính là Sự Xơ Cứng Động Mạch.

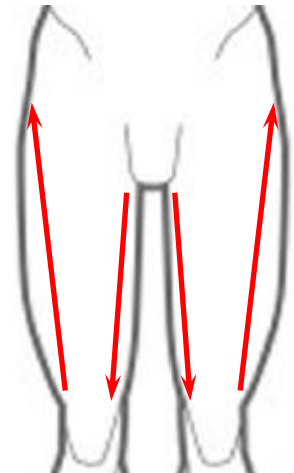
Điều trị:

Trong phạm vi Day Bấm Huyệt theo VNDULP chỉ có thể điều trị sau khi bệnh nhân được xuất viện. Các vùng cần tác động:

- a) Mắt thứ nhất ngón chân cái: liên hệ Đầu, Lưỡi, phục hồi trí nhớ & chức năng vận động
- b) Khớp Mắt cá chân trong ngoài, Gót chân: liên hệ khớp Vai, Não Hột. Các khớp ngón chân

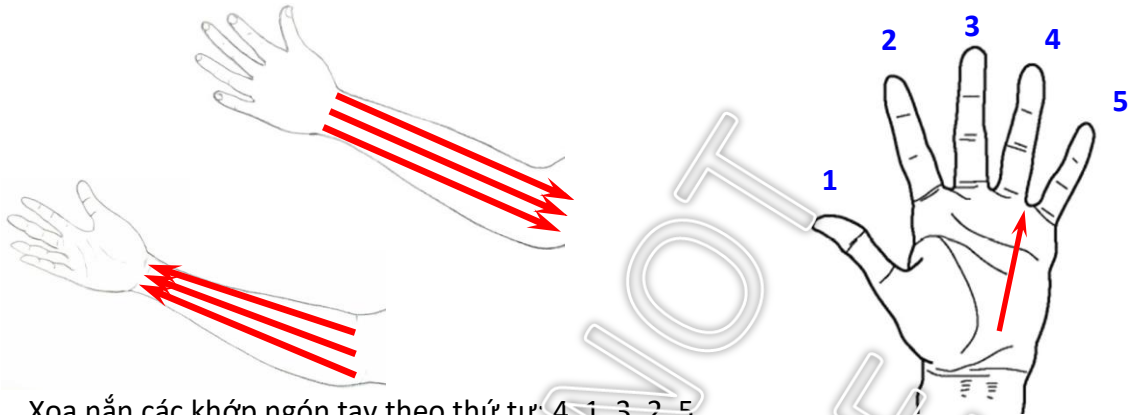


- c) Vùng Đùi Vết: *liên hệ Tỳ, Can, Thận làm mềm dẻo động mạch
Tác động theo 2 hướng
 - Từ Gối đến Mông
 - Từ Bẹn Háng đến Gối
- d) Mắt thứ nhất ngón tay Cái: liên hệ đến Đầu, Mắt, Tai, ổn định Thần kinh



e) Căng Tay trước:

- Bàn tay sấp từ cổ tay vào Chỏ & trên nếp nhăn Cùi Chỏ
- Bàn tay ngửa từ Chỏ ra Cổ tay; kẽ tay giữa 2 ngón út & Áp út



f) Xoa nắn các khớp ngón tay theo thứ tự: 4, 1, 3, 2, 5

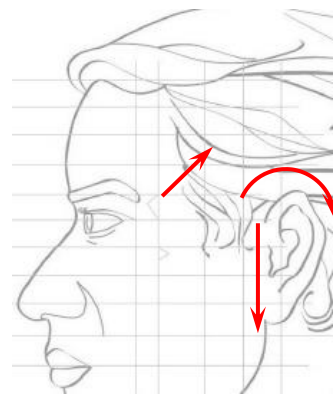
g) Khớp Vai trước & sau (vùng Vân Môn, Trung Phiếu, Kiên Trinh)



h) Cổ Gáy 2 bên Đại Chùy : Ổn định Thần kinh & HA, chống kẹt Khớp Vai

i) Thái Dương vào trong mí tóc (vùng số 2 Bản đồ huyết vùng mắt)

j) Đỉnh chân Tai (Thượng Nhĩ Căn), rãnh trước bình tai & cạnh cằm



* Tác động bên liệt trước để cho mềm cơ, r ngay sau đó tác động ngược lại bên không liệt.

Kết hợp:

- Uống rượu Tỏi
- Tập thể Khí Công Dịch Cân Kinh (Phất Thủ Liệu Pháp)

G. CÁC BỆNH VỀ TIÊU HÓA

1. Lưỡi mất vị giác (Hemiageusia)

Triệu chứng:

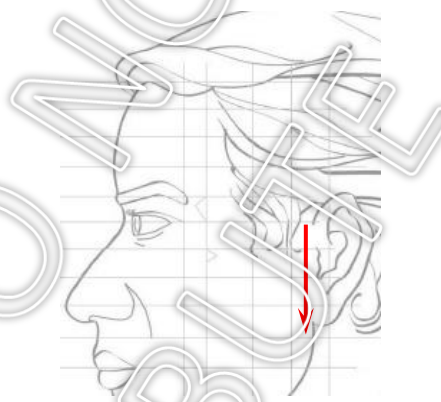
- Lưỡi tê thường xuyên; ăn uống không biết vị, dù cho nhiều mắm, muối, tiêu, ớt đến đâu. Người bệnh cũng không cảm được mặn, lạt, cay, đắng ... !
- Đi đứng không bình thường dường như không biết được phương hướng. Thật là nguy hiểm đối với người có huyết áp cao

Nguyên Nhân:

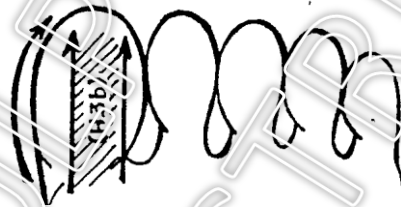
- Có thể nói bệnh chứng là dấu hiệu của Stroke

Khám & Điều trị:

- a) Ngay đỉnh dải tai dọc cạnh cằm



- b) Mặt dưới của ngón chân cái



- c) Khớp ngón tay cái & bàn tay



2. Tiêu chảy (Diarrhea)

Triệu chứng:

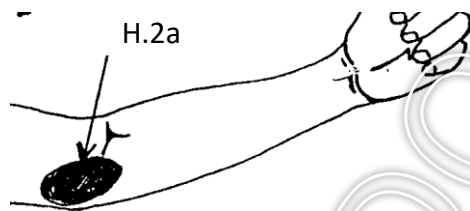
- Tiêu chảy còn gọi là tháo dạ. Người bị tiêu chảy thường đau bụng, nóng rát hậu môn, mót tiêu
- * Tuy là một bệnh chứng thông thường nhưng đôi khi biến chứng theo những trận dịch thành thổ tả (Cholera) gây tử vong không ít

Nguyên nhân:

- Dùng thức ăn không tươi hoặc bị nhiễm trùng
- Tiêu hoá kém: không chịu các thức ăn có chất béo hoặc các loại thực phẩm hay rau quả không nấu chín

Khám & điều trị: Tăng sức đề kháng, chống mất nước

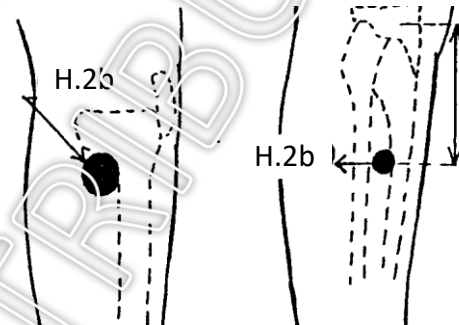
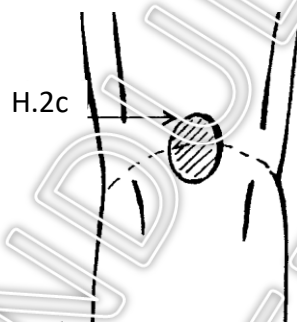
a) Đánh nóng vùng Khuỷu Tay



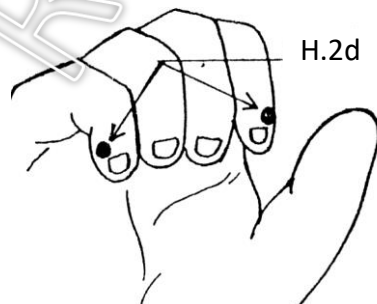
b) Gối

- Má trong ngang eo đầu xương chày
- Má ngoài: Huyệt nằm giữa xương cẳng chính & xương cẳng phụ

c) Mặt sau gối nếu có nôm mùa



d) Hơ cứu 2 huyệt ở đầu ngón tay trỏ & út (Thương Dương & Thiếu Xung)



3. Trào ngược (Acid reflux)

Triệu Chứng:

- Thường đầy & ợ hơi chua, ăn không tiêu.

Nguyên nhân:

- Tiêu hoá kém do Can (Gan)

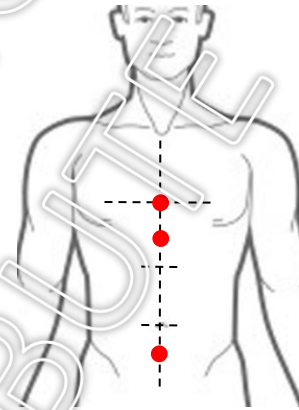
Khám & Điều Trị:

- a) Gan bàn chân từ vùng Dũng Tuyền ra kẽ ngón chân. Đặc biệt giữa hai ngón trở & cái

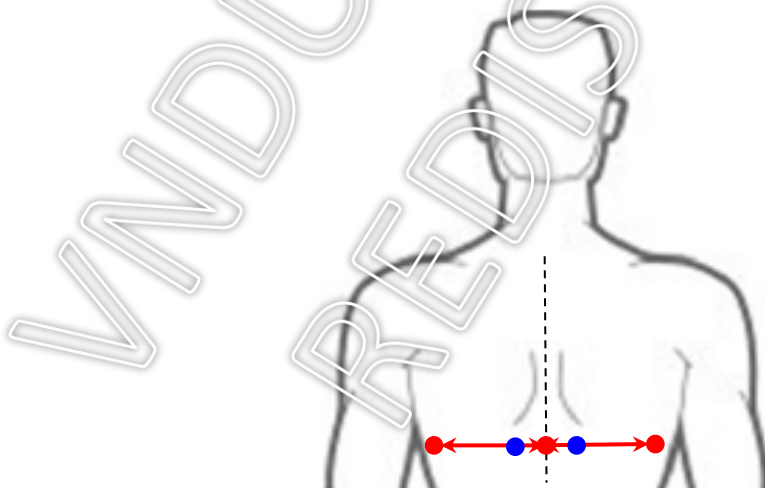


- b) Hơ cứu dọc theo Nhâm Mạch gồm 3 huyệt theo thứ tự

- Khí Hải, dưới rốn 3 thốn (tương đương ≈ 3 ngón tay khép kín của người bệnh)
- Trung Quán, vị trí 1/4 trên tính từ Đản Trung đến rốn.
- Đản Trung (Chiên Trung), huyệt là điểm gặp giữa tuyến ngang 2 nhũ hoa gặp đường trung tâm qua giữa rốn.



- c) Huyệt Cách Du ở Lưng. Cách xác định huyệt: từ Chí Dương (đối xứng với Huyệt Đản Trung), sau đó bàn khai ra 2 biên # 1cm, chỗ nào đau là huyệt.
- d) Tác động tiếp 1 trong 2 đay cơ nách tiếp giáp với đáy xương bả vai.



H. CÁC BỆNH VỀ TAY

1. Đau cùi chỏ (Tennis elbow)

Triệu chứng:

- Đau nhói ở Chỏ, cử động cánh tay ngoài khó khăn đôi khi mỗi nặng. Những cử động nhẹ như phủi tay, quét nhà cũng đau.
- Vùng đau thường xuất hiện ở điểm nhọn của đầu xương quay (radius)

Nguyên nhân:

- Sự vận động rắng quá sức hoặc sau cú đập hụt trái banh tennis trong thi đấu.
- Đôi khi do thấp khớp (gout).

Điều Trị: Áp dụng chủ yếu theo nguyên tắc Tam Đồng: Hình - Thế - Thể.

a) Chỏ đối xứng

- b) Cổ tay tuyến ngón cái huyết trên chỗ thầy thuốc xem mạch 1 thốn (bàn tay sấp). Chà vuốt nhẹ, cộm đau thấy ngón tay cái nhúc nhích là đúng.



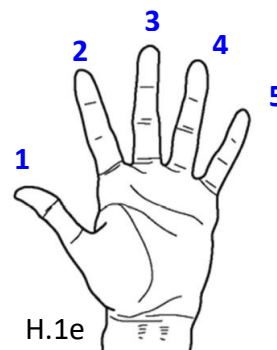
- c) Đầu khớp vai vùng huyết Kiên Ngung (hiệu năng huyết đi chéo)



- d) Gối: trên, dưới gối má ngoài



- e) Mắt giữa các ngón tay theo công thức:
4, 1, 3, 2, 5 (Áp út, Cái, Giữa, Trỏ, út)



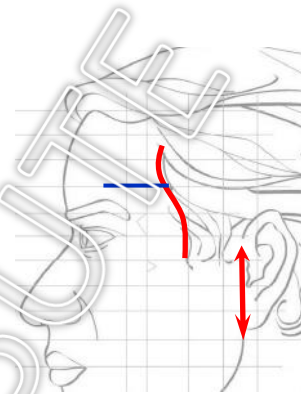
2. Ket khớp vai

Nguyên nhân và Triệu chứng:

- Đột ngột tay dờ không lên
- * Triệu chứng nguy hiểm về tim mạch

Khám và điều trị:

- a) Vuốt và bấm khớp vai đối xứng theo quy ước Tam Đồng: Hình -Thế - Thế
- b) Vuốt và bấm khớp mắt cá chân trong
- c) Vuốt và bấm khớp mắt cá chân ngoài theo các huyết: Khâu Khư, Thân Mạch, Côn Lôn



- d) Vuốt và bấm điểm gặp giữa đường ngang 1/4 trán về phía lông mày vào chân tóc gần Thái Dương.
- e) Vuốt và chà hai rãnh trước chân tai (nhớ há miệng nhỏ khi lấy huyết)

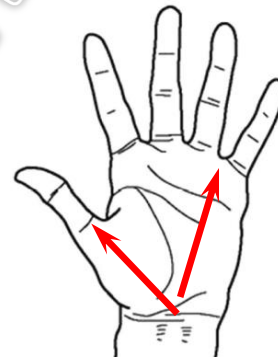
3. Tê cánh tay. Tê ngón tay

Triệu chứng:

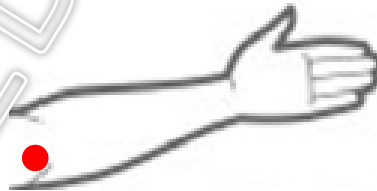
- Thường cứng 1 hoặc 2 gân cổ gáy
- Hội chứng tim mạch

Cách khám và điều trị:

- a) Xoa vuốt cổ tay ngửa vùng Đại Lăng tuyến ngón tay cái theo hướng từ cổ tay ra bàn tay (gò Kim Tinh)
- b) Cổ tay ngửa, kế tay tuyến ngón út và Áp Út theo hướng từ lòng bàn tay ra ngón tay.



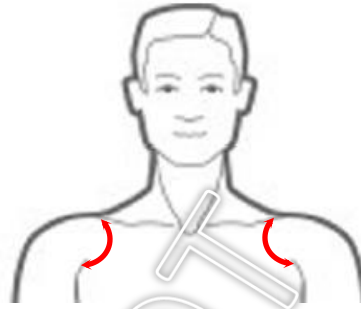
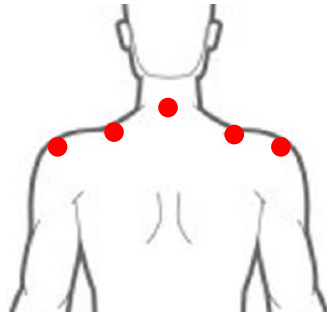
- c) Vùng khuỷu tay (Nội Khúc Trì)



- d) Xoa vuốt cổ tay sấp theo hướng từ ngoài vào trong, đặc biệt tuyến ngón tay cái và vùng Thủ Tam Lý



e) Hơ cứu vùng Đại Chùy, Kiên Tĩnh, và đầu vai



- f) * Xoa vuốt hai khớp vai trước
g) * Xoa vuốt hai mắt cá chân trong theo hướng từ cổ chân vào gót

Lưu ý cả 2 mục e và f: phòng cho trường hợp nghẽn tim, làm tim đập nhanh

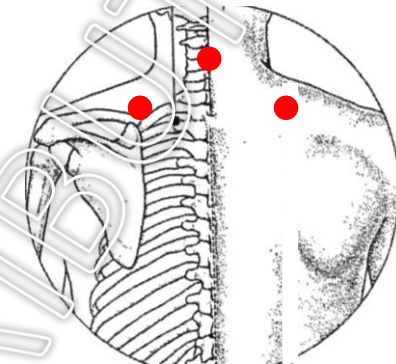
4. **Viêm bao gân cổ tay (Carpal tunnel syndrome)**

Nguyên nhân và Triệu chứng:

- Cổ tay tuyến ngón cái thường bị sưng đau.
- Người bệnh cảm thấy ngón tay cái vô lực, không thể xoay trở cổ tay hay cầm nắm một vật.
- Bệnh thường do thói quen nghề nghiệp
- Ảnh hưởng đến tim mạch

Khám và điều trị:

- a) Vùng cổ hai bên Đại Chùy và Kiên Ngoại Du (ngang đốt T1 và T2)
- b) Cổ tay đối xứng theo nguyên tắc Tam Đồng
- c) Ngón chân cái.

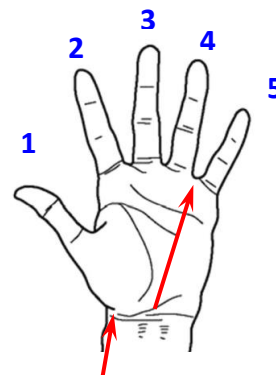
5. **Đau các khớp ngón tay**

Nguyên nhân:

- Thấp khớp do can thận suy

Khám và điều trị:

- a) Xoa nắn các đốt ngón tay theo thứ tự: 4, 1, 3, 2, 5
- b) Xung quanh vùng chỗ (Khúc Trì, Khúc Trạch, Thủ Tam Lý, Thiếu Hải)



- c) Cổ tay tuyến ngón Cái
- d) Kẽ tay giữa 2 ngón út và Áp út
- e) Hai bên chân cổ gáy (Đại Chùy), hai đỉnh xương bả vai (Kiên Ngoại Du, Thần giác)
- f) Xoa nắn các đốt ngón chân

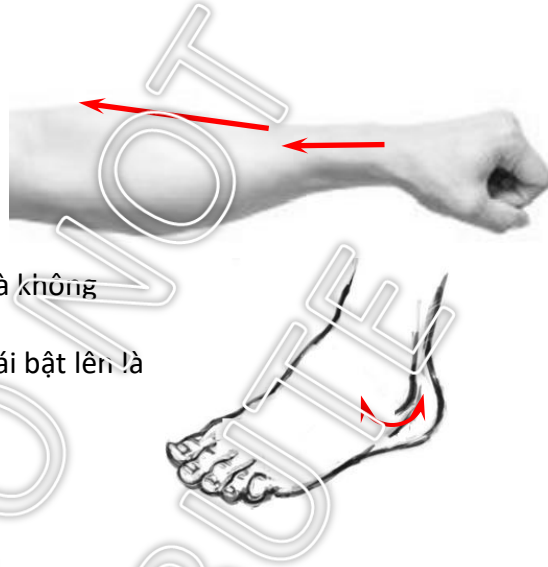
6. Ngón tay cò súng (Trigger finger)

Nguyên nhân và Triệu chứng:

- Bệnh thường xuất hiện ở ngón tay giữa co vào khó, mở ra phải kéo, rất đau đớn.
- Bệnh do nghề nghiệp thường quen xử dụng 1 tay trong cùng 1 tư thế lâu ngày sinh mỏi rã vô lực.
- Di chứng của bệnh Tennis Elbow

Khám và Điều trị:

- a) Ngón tay đối xứng theo nguyên tắc Tam Đồng
- b) Chà vuốt từ cổ tay vào chỗ thấy 1 trong 2 ngón áp út và giữa bật lên là đúng huyết. Tác động cả 2 bên bệnh và không bệnh.
- c) Cổ tay tuyến ngón cái thấy ngón tay cái bật lên là đúng
- d) Cổ chân theo khớp mắt cá chân ngoài
- e) Vùng huyết Thần Giác ở hai vai



7. Hội chứng run tay

Triệu chứng:

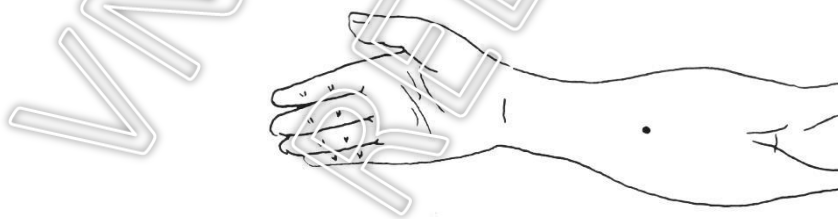
- Tay run không tự chủ.

Nguyên nhân:

- Thường do não bộ (suy nhược thần kinh)

Điều Trị: Tâm Bảo & Tam Tiêu

- a) Nắm kéo nhẹ phần da theo đường tưởng tượng giữa cánh tay trước, từ cổ tay vào khuỷu tay. Điểm đau nhất thường xuất hiện ở huyết Tý Trung.



I. CÁC BỆNH VỀ CHÂN

1. Viêm khớp gối

Nguyên nhân:

- Hội chứng Can Thận
- Di chứng Tiểu Đường
- Lạm dụng thuốc chống viêm

Khám và điều trị:

- a) Tác động xung quanh khớp gối gồm các vị trí chính; trên khớp gối (2): Lương Khâu, Huyết Hải; dưới khớp gối (3): Âm Lăng, Dương Lăng, Túc Tâm Lý; sau khớp gối (1): Uỷ Trung.
- b) Hai mắt thứ nhất ngón chân Cái



- c) Vùng Chấm gáy



* Kết hợp hai thể khí công: vỗ gối và rần góc đầu

2. Thốn gót, thốn bàn chân

Nguyên nhân và Triệu chứng:

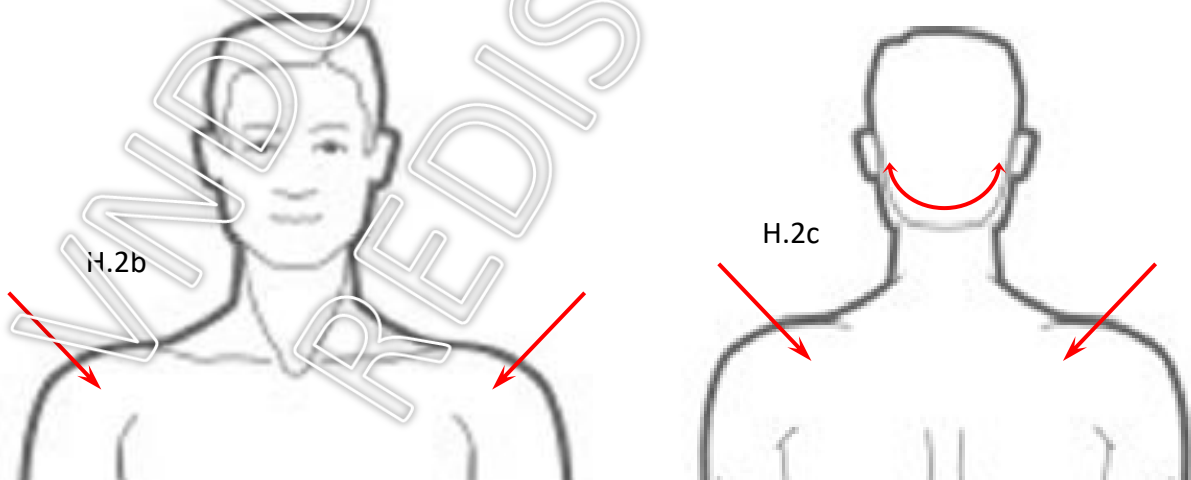
- Sáng sớm thức giấc bước chân xuống giường thường bị đau
- Do Gan Thận bị suy yếu

Khám và điều trị

- a) Vùng Thái Dương (điểm gặp nhau giữa tuyến ngang giữa trán và chân tóc). Ngay sau đó dùng tay xoa nắn nhẹ vào điểm đã xác định hướng lên đỉnh đầu khoảng 1/2 thốn, điểm đau nhất là huyết.



- b) Hai đầu khớp vai trước
- c) Hai đầu khớp vai sau vùng tiếp giáp giữa cơ Delta
- d) Chấm gáy



3. **Lật cổ chân (Twisted Ankle)**

Triệu chứng:

- Đang đi, đột ngột bàn chân bị lật, làm bạn phải khụy xuống, dù trước đó bạn chưa bị té ngã lần nào. Sự việc cứ lặp đi lặp lại làm chúng ta lo sợ.

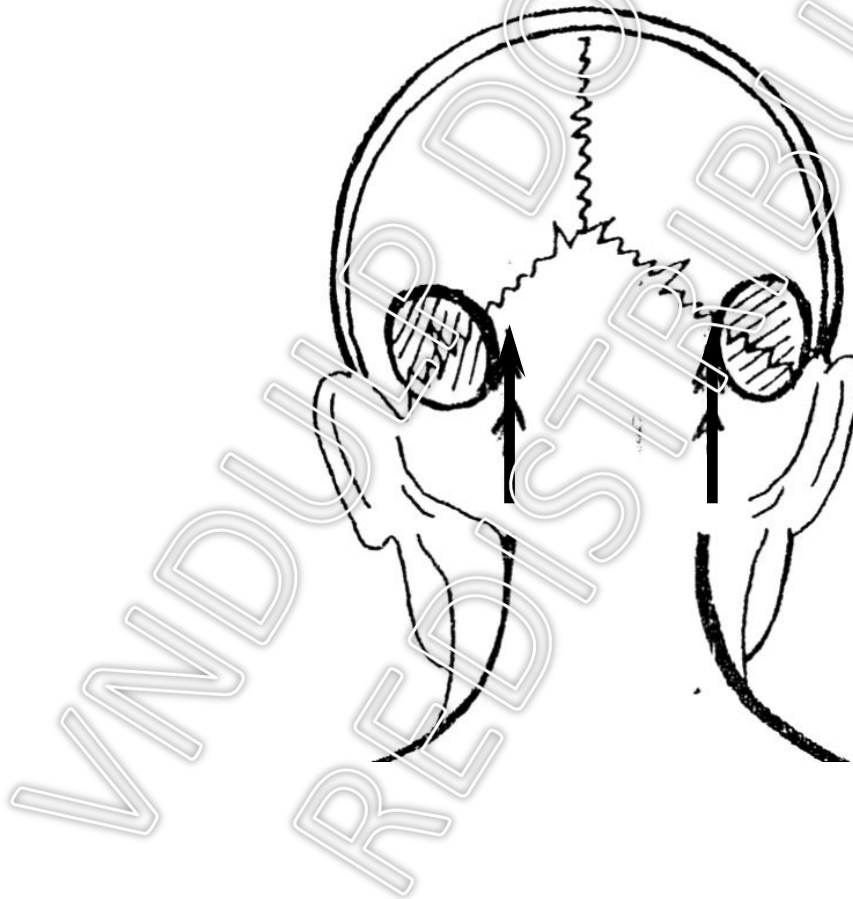
Nguyên nhân:

- Đàm thấp, khí trệ một trong những triệu chứng ban đầu báo hiệu bạn sẽ mất 1 số bệnh: bấu cổ, bao tử, mắt kém, mất ngủ.

Khám & Điều trị:

- a) Mỗi ngày 3 thời tác động vào vùng huyết xương Ót & xương đỉnh. Tác động cả 2 phía trái & phải đồng lúc. Vùng nào đau nhất tác động 7 lần.

* Kỳ huyết này làm cho bạn dễ ngủ, long đàm, dễ thở, thông hầu họng. Nếu bị bấu hơi bệnh sẽ giảm nhanh chóng.



J. CÁC BỆNH TIẾT NIỆU

1. Tiền liệt tuyến & Nhiếp hộ tuyến (Prostate & Prostatism)

Triệu chứng:

- Đàn ông hay đi tiểu vặt, nhiều, thường phải rặn.
- Khi tiểu xong vẫn còn sót vài giọt ra trễ. Không chữa trị kịp thời lâu ngày bàng quang bị chặn nước tiểu làm độc, sinh nóng buốt và mót tiểu luôn. Bàng quang lúc này ví như một cái thùng rượu soi lỗ phía trên còn vòi dưới thì bị đóng nút. Do vậy bàng quang bị nở rộng làm nước tiểu tràn ra ngoài. Phải giải phẫu.

Nguyên Nhân:

- Sưng Nhiếp Hộ Tuyến (Prostatism) là chứng bệnh của những người đàn ông ngoài 50 tuổi. Tỷ lệ mắc bệnh có đến 50%.
- Bệnh thường xảy ra cho những người ngồi luôn một chỗ, ít vận động, thường táo bón. Có thể do một nguyên nhân về nội tiết trong tuổi về già cũng như phụ nữ thời kỳ mãn kinh.

Khám & Điều trị: Phải tích cực và thường xuyên cho đến khi dứt bệnh. Mỗi ngày 3 thời tác động theo thứ tự sau:

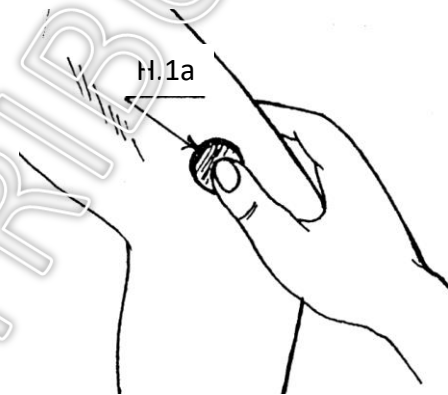
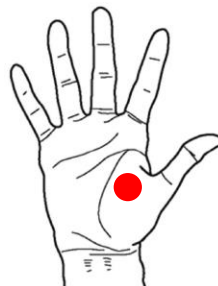
- a) Dùng 2 tay bóp đều từ bẹn háng ra đến má trong đầu gối. Sinh huyết thường xuất hiện ở vùng huyết Huyết Hải

***Kỳ huyết này vô cùng quan trọng cho các chứng về thận**

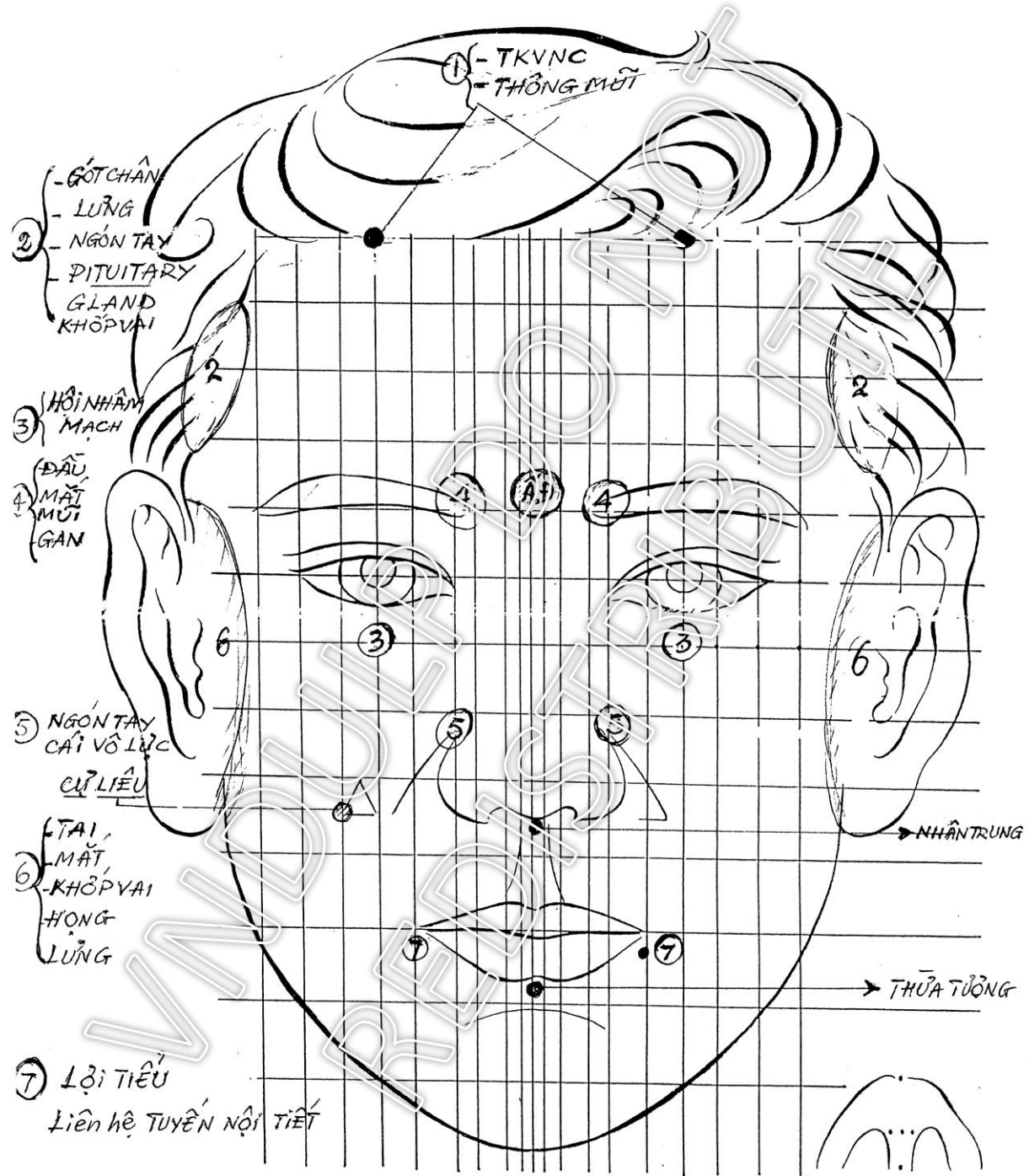
- b) Thái Khê



- c) Nội Hợp Cốc



- d) Thừa Khấp (bản đồ huyết trên mặt vùng số 3)
- e) Huyết đặc trị làm thông tiểu 2 bên mép miệng (bản đồ huyết trên mặt vùng số 7)
- f) Chọn SH một trong 2 Thái Dương (bản đồ huyết trên mặt vùng số 2)
- g) Bộ Tiêu Viêm: Ấn Đường, Cự Liêu, Chuẩn Đầu, Thừa Tương, Nhân Trung



K. CÁC BỆNH PHỤ KHOA

1. Đau Bụng Kinh (Menstrual Pain)

Triệu chứng:

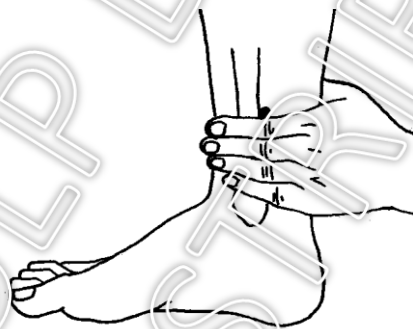
- Bụng thường thấy đau trước ngày có kinh, thường đau tiếp tục trong 2 ngày đầu. Kinh ra được thì hết đau.
- Bụng cứ đau ngấm ngấm, thỉnh thoảng đau dội lên, lan xuống bụng dưới háng & đùi.
- Ngoài những lúc đau dữ dội, vùng xương chậu thường tụ máu nóng hoặc tức. Bên cạnh đó có nhiều triệu chứng bất ổn về thần kinh như Nhức đầu, Nóng nẩy, Bất định, Suy nhược ...

Nguyên Nhân:

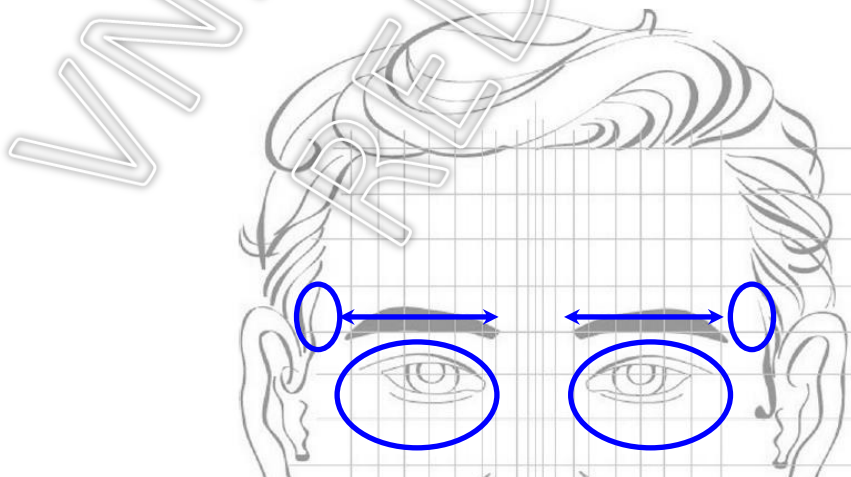
- Có thể nói 1/3 tổng số phụ nữ thường thấy đau đớn, khó chịu trong kỳ kinh nguyệt.
*** Người nào hay nóng nẩy & táo bón rất dễ đau bụng trong kỳ kinh**
- Theo Tây Y: Nguyên nhân đầu tiên do sự co dẫn của dạ con cùng sự tiết ra nhiều kích thích tố

Điều trị:

- a) Vùng Cổ Chân: Vùng Tam Âm Giao. Tác động nhẹ vào 1 trong 2 cổ chân trong. Vùng nào đau là SH.



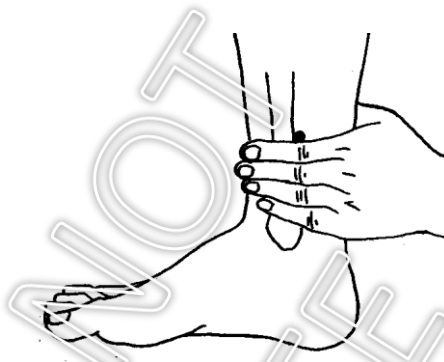
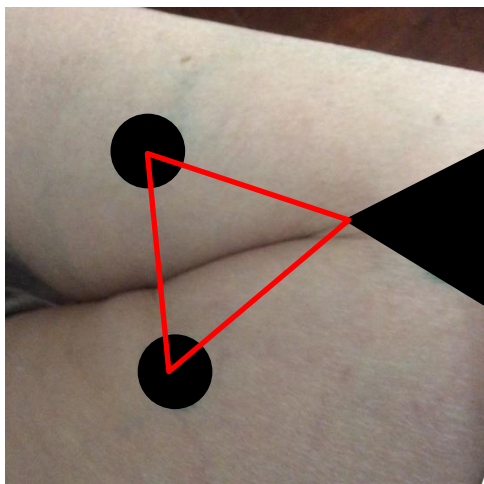
- b) Vùng lông mày, hốc mắt & 2 Thái Dương



2. Nhiễm Trùng Âm Đạo (Vaginal Infection - Vulvovaginitis)

Điều trị:

- a) Chọn SH một trong 2 vùng má trong đầu Gối



- b) Tam Âm Giao

- c) Mặt : SH 1 trong 2 Thái Dương + Bộ Tiêu Viêm (xem Đồ Hình ở Mặt)

***** Phác đồ huyết này có thể áp dụng cho trường hợp phụ nữ khó có con**

L. CÁC BỆNH NỘI KHOA

1. Huyết áp Cao (High Blood Pressure)

Triệu chứng:

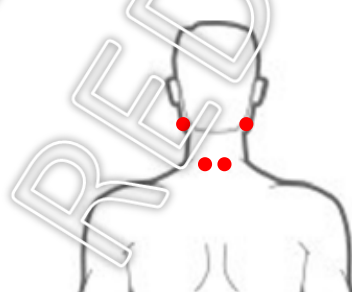
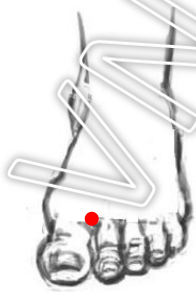
- Huyết áp cực đại trên 140 mm Hg hay huyết áp cực tiểu trên 90mm Hg
- Nhức đầu mỗi buổi sáng không phải do gan hay dạ dày
- Thường nhức đầu vùng chẩm hộ.
- Biểu hiện những cơn gân nổi to ở 1 trong 2 bên Thái Dương
- Chóng mặt hoa mắt, ù tai, chảy máu cam
- Ráng sức một chút đã thấy mệt, thở hổn hển
- Dễ xúc động, hồi hộp
- Tê nửa mặt, tay chân tê
- Kẹt khớp Vai đột ngột

Nguyên nhân:

- Xơ cứng động mạch
- Do bệnh Thống Phong (gout) hay Tiểu Đường
- Thận suy, bứu ở tuyến Thượng Thận
- Rối loạn nội tiết
- Phụ nữ: U xơ buồng trứng (fibroma). Thời kỳ tiền mãn kinh (PMS, Pre-Menstrual Syndrome)

Khám & điều trị: Làm mềm dẻo mạch máu & an thần

- a) Kết hợp Vận Động Dưỡng Sinh qua 3 thế Dịch Cân Kinh: Rắn ngóc đầu & Vỗ gối. Chủ yếu thở sâu
- b) Uống rượu tỏi
- c) Có 3 vùng huyết chính:
 - Kẽ ngón chân Cái & ngón Trỏ
 - Gáy cổ (hạt bên Đại Chùy), Dái tai và cạnh Cằm
 - Nắm tay, kẽ tay ở mu bàn tay



2. Huyết áp thấp (Low Blood Pressure)

Triệu Chứng:

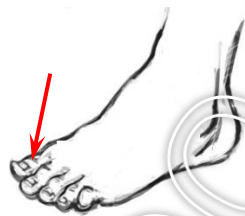
- Huyết áp cực đại 100mm Hg, huyết áp cực tiểu 50mm Hg
- Thường bị chóng mặt (Vertigo)
- Cứng gáy, mỗi nặng 1 trong 2 vai

Nguyên nhân:

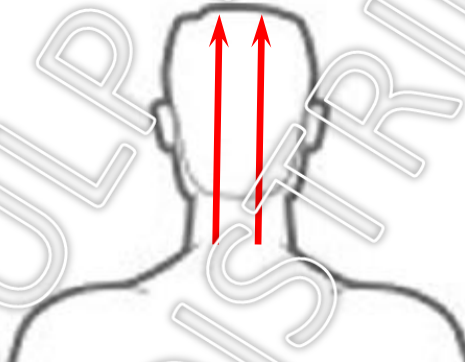
- Thiếu oxygen vào não.

Khám & Điều trị: Thăng Khí

- Vùng Khe sau gối thường ở huyết Ủ Dương (xem hình)
- Khớp thứ nhất của ngón chân cái (mu bàn chân). * Co ngón chân để lấy huyết.



- Hộp sọ tác động theo chiều từ gáy lên đỉnh đầu



M. CÁC BỆNH THÔNG THƯỜNG

1. Cảm cúm (Cold, Influenza)

Triệu chứng:

- Một chút rùng mình, ớn lạnh, khó chịu, chảy nước mắt sống. Tiếp theo nháy và sổ mũi, họng đau rát, đầu nặng, sốt hâm hấp rồi cao dần.

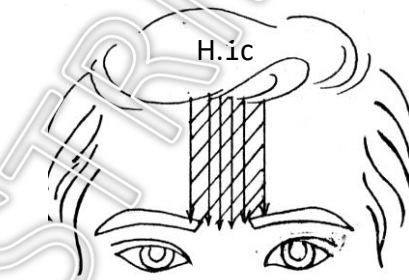
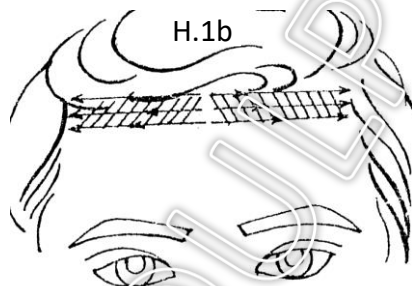
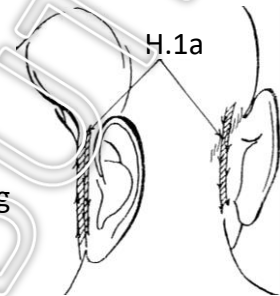
Nguyên nhân:

- Trúng lạnh do hàn khí (nhiễm siêu vi) rất khó nhận biết.
- Đùng nghĩ sai lầm: chỉ có nhiễm Nắng, Mưa, Sương, Gió mới bị bệnh.
- * Đùng ỷ lại vào tân dược.
- * Đùng chủ quan: chỉ cần uống 1 ly nước chanh đường pha 1 chút rượu
- *** Thực tế cho thấy: bệnh cảm cúm từng chuyển biến theo những trận dịch đã làm chết người không ít.

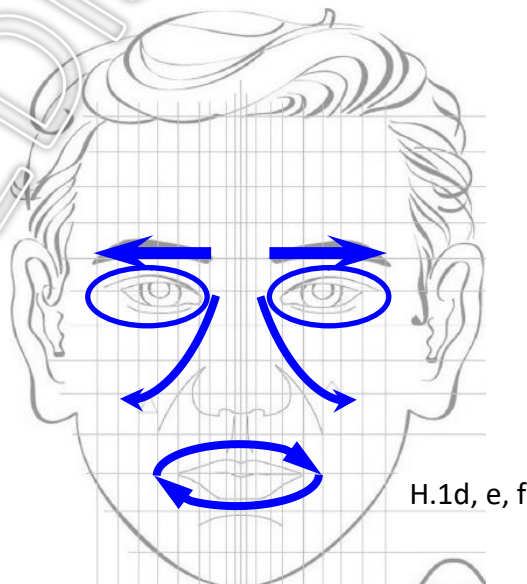
Điều trị sai lầm hoặc không dứt gốc; bệnh sẽ để lại những hậu quả nghiêm trọng như viêm họng mãn, viêm mũi, hen suyễn, trầm cảm v.v.

Khám & Điều trị: bằng năng lực tinh thần với 2 bàn tay không, bạn vẫn có thể chữa tuyệt cơn bệnh theo VNĐƯLP. Tác động theo thứ tự sau:

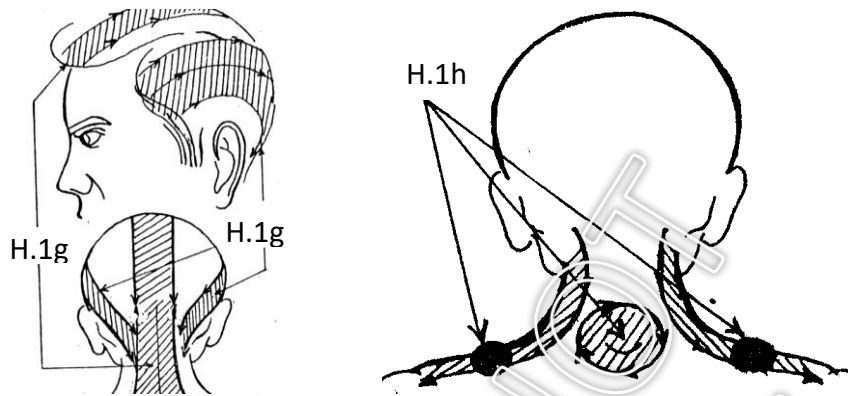
- a) Dùng 2 ngón tay trở & giữa hình thành chữ V, đánh nóng trước & sau Loa Tai
- b) Mí tóc trán



- c) Giữa Trán
- d) Vùng đầu mày & hốc mắt
- e) Hai bên vùng mũi má Ngọa Tâm (NT)
- f) Xung quanh miệng theo chiều từ phải qua trái của bạn

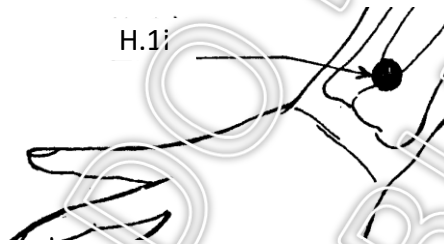


g) Đầu : Đỉnh đầu , 2 Thái Dương, Chấm Gáy



h) Cổ Gáy & 2 Vai

i) Bàn tay sắp: cổ tay vùng Tam Dương Lạc



* Tùy thuận có thể dùng các đầu ngón tay hay sóng bàn tay để tác động

Ăn uống kiêng cử:

- Ngay sau khi điều trị bạn hãy dùng 1 tô cháo nóng có ít thịt băm nhuyễn, hoặc cá, tròng đỏ trứng gà, nhiều hành lá, một chút tiêu & gừng
- Uống nước nóng ấm
- Đi ngủ sớm
- Không tắm rửa, không uống nước dừa, nước cam, nước đá
- Dù bệnh đã giảm dần, bạn vẫn tiếp tục xoa vuốt 9 vùng đã nêu ngày 3 thời cho đến khi hết bệnh

* Nếu bạn thấy rất tiếng nên dùng thêm:

- Một trái tắc lớn để nguyên vỏ bỏ đôi
- Một mắt nghệ khoảng 1 mắt tay út của người bệnh (xắt mỏng)
- Một miếng đường phèn (rock sugar) độ 1 mắt tay út.
- Cả 3 đem chưng cách thủy, rần tính, cho đến khi tắc và nghệ bệu ra.
- Mỗi lần khát nước, ngứa cổ muốn ho. Bạn hãy uống 1 muỗng café tắc nghệ rồi hãy uống nước chín đun sôi để nguội.

2. Di ứng (Allergy)

Triệu chứng:

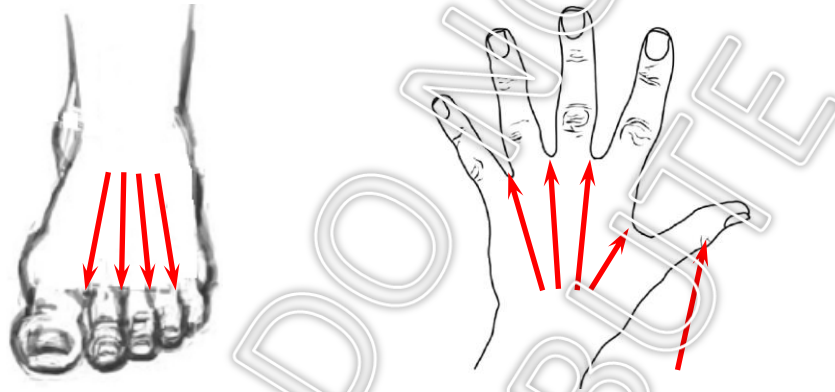
- Ngứa xung quanh mắt, chân tai, khớp mắt, khớp miệng, vùng nách, vùng háng, khuỷu tay, khoeo chân

Nguyên nhân:

- Thận Phế kém không đủ sức đề kháng

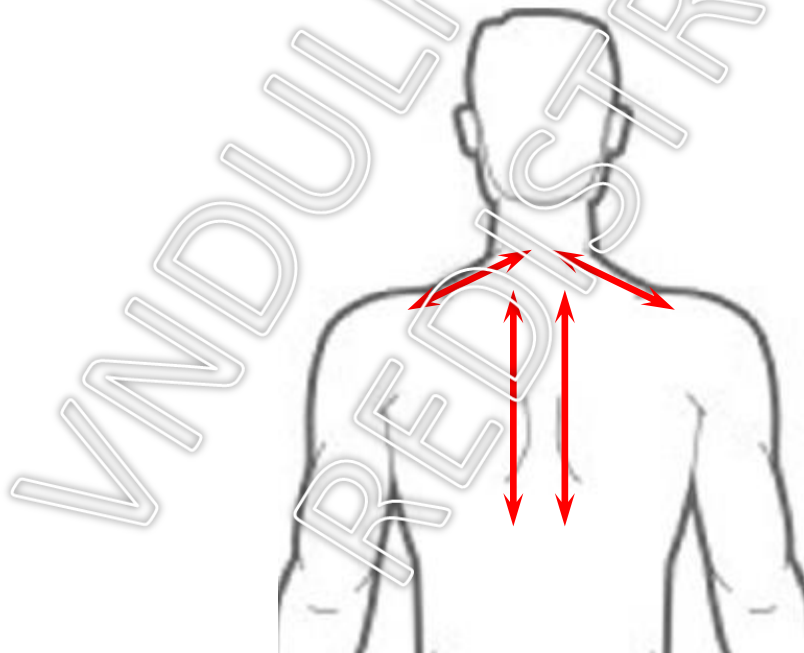
Khám & Điều Trị: Mỗi ngày 3 thời dùng máy sấy tóc hơ cứu

- a) Các kẽ ngón chân, ngón tay



- b) Mắt thứ nhất ngón tay cái

- c) Vùng lưng trên, dọc 2 xương bả vai



3. Mất ngủ (Insomnia)

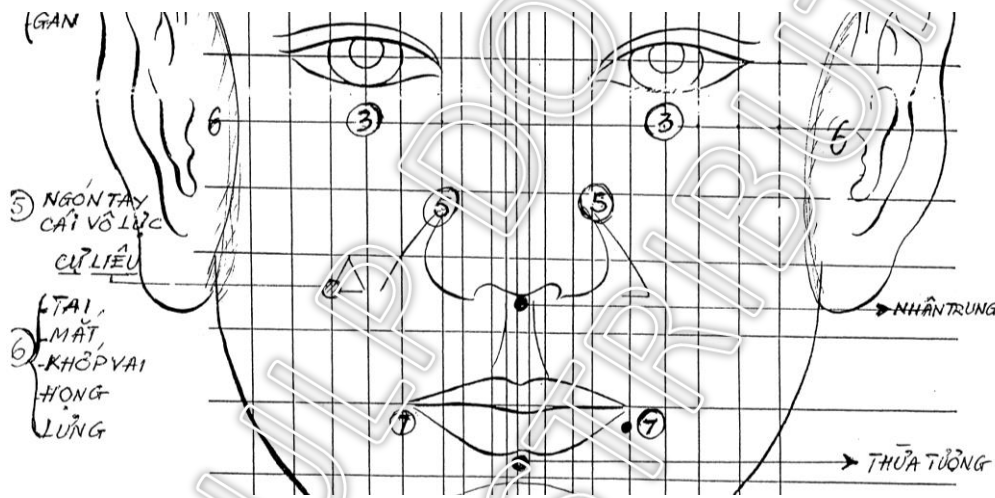
Mất ngủ theo y học Đông Phương có liên quan đến những chức năng: Tỳ, Can, Thận.

* Muốn chữa được chứng mất ngủ cần phân biệt rõ 2 nguyên nhân chính:

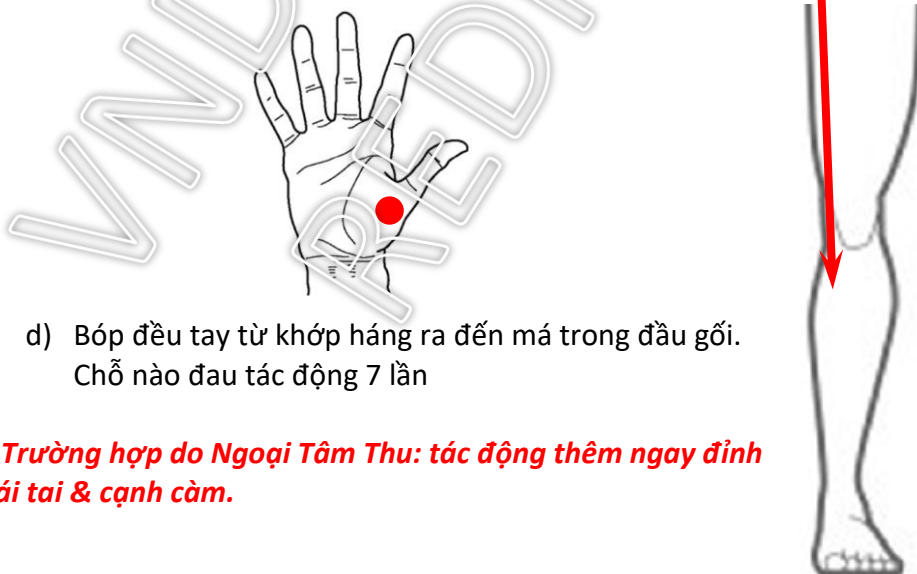
- a) Hư chứng:
 - Do trạng thái thần kinh căng thẳng quá sức.
 - Bị căng thẳng (stress) về công việc hay tình cảm.
- b) Thực chứng:
 - Rối loạn nội tiết (Dysendocrinia)
 - Ngoại Tâm Thu (Extra Systole)

Khám & Điều trị: Theo VNĐƯLP cả hai trường hợp có thể dùng một phác đồ. Mỗi đêm tác động các vùng:

- a) Ngoại Tầm dùng hai đầu ngón tay tác động đồng iúc 7/14/21 lần (vùng số 3)
- b) Hai mép miệng vùng huyết lợi tiểu. Dùng hai ngón tay trở & cái bóp đều tay theo đường ngang bờ môi dưới theo hướng từ miệng ra dải tai & cạnh cằm (vùng số 7)



- c) Bàn tay gò Kim Tinh, vùng huyết Ngư Tế



- d) Bóp đều tay từ khớp háng ra đến má trong đầu gối.
Chỗ nào đau tác động 7 lần

*** Trường hợp do Ngoại Tâm Thu: tác động thêm ngay đỉnh dải tai & cạnh cằm.**

4. **Cảm nắng (Sốt, Fever)**

Triệu chứng:

- Da, mặt đỏ rần, mạch nhảy mau & mạnh. Người có cảm giác như lửa phỏng. Tiếp theo nhức đầu, chóng mặt, buồn nôn tức thở, miệng khô đắng để lâu bất tỉnh.

Nguyên nhân:

- Trúng nắng hay trúng nóng, mất nhiều mồ hôi. Cơ thể mất nước, một số lượng muối trong cơ thể mất đi theo mồ hôi, lỗ chân lông nở to nhiễm gió gây ra bệnh.

Khám & Điều trị: Phải đưa ngay bệnh nhân vào chỗ thoáng mát, mở lỏng các nút quần áo mới điều trị.

- a) Bàn tay: day ấn mạnh & sâu vùng huyết giữa nếp nhăn cổ tay cho đến khi giảm hồi hộp, hạ nhiệt.
- b) Bấm mạnh các góc móng tay



5. Nấc cụt (Hiccough or hiccup)

Triệu chứng:

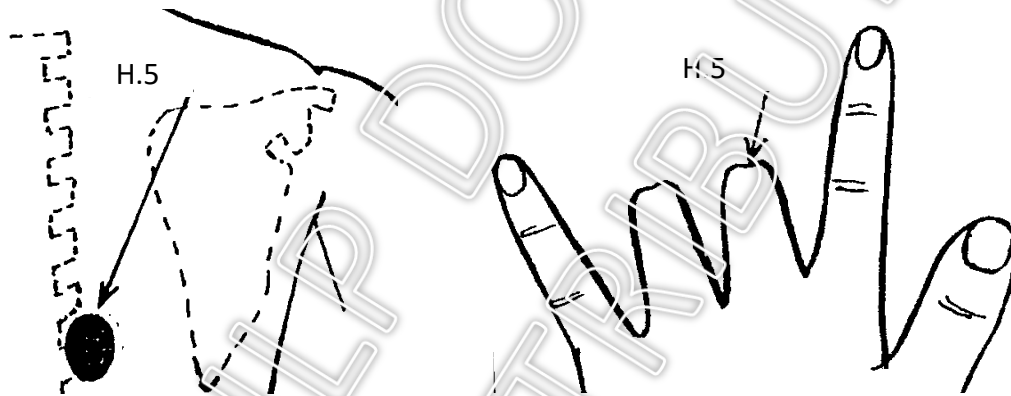
- Hoàn cách mô co lại thành linh, đưa mạnh vào một luồng khí trời đi qua lưỡi gà gây ra tiếng nấc cụt.
- Nó có thể kéo dài nhiều ngày làm cho người bệnh khổ; không ăn, uống được. Nguy cơ có thể đưa đến suy nhược thần kinh.

Nguyên nhân: Thường do bao tử

- Ăn uống thức ăn nóng hay lạnh quá
- Trẻ con bú no quá
- Mọi chứng liên quan đến bắp thịt cách mô như sưng bao tâm, bao phế đều có thể sinh ra nấc cụt.

Điều Trị:

- a) Tác động vào các vùng: Lưng & ngón tay giữa



N. CÁC BỆNH ĐẶC BIỆT

1. Thống Phong (Gout)

Triệu Chứng:

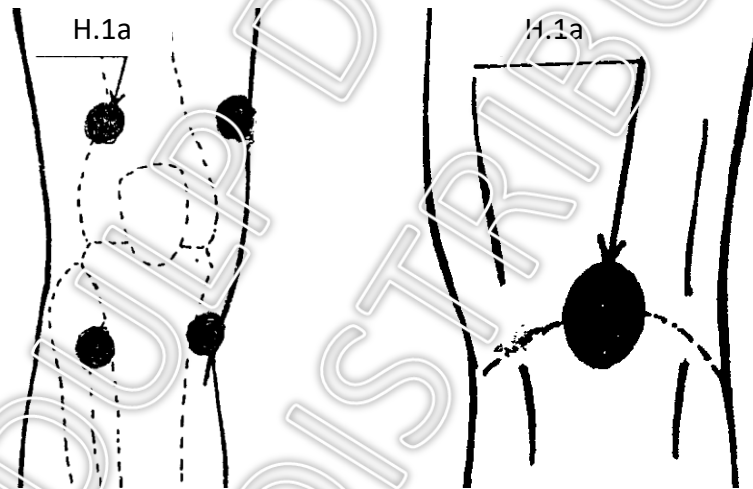
- Sự đau nhức thường xuất hiện ở các khớp như ngón chân Cái (vùng Bunion), Gối, Khớp mắt Cá chân v.v. gây Sưng, Nóng Đỏ, Đau.
- ***Người bệnh thường bị đau nhức & Sốt về đêm, đi đứng khó khăn với cây gậy.
- Bệnh thường liên quan đến Tiểu đường & Cao máu.

Nguyên Nhân:

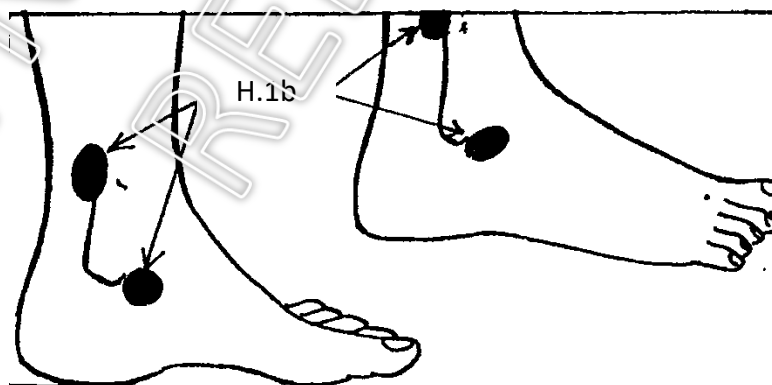
- Gout là một loại bệnh viêm khớp do Uric Acid quá nhiều trong máu.
- Một trong những cơ quan: Gan, Tỳ, hay Thận bị suy yếu.

Điều Trị:

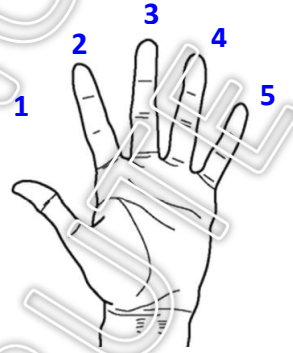
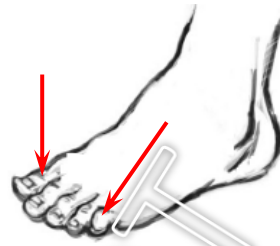
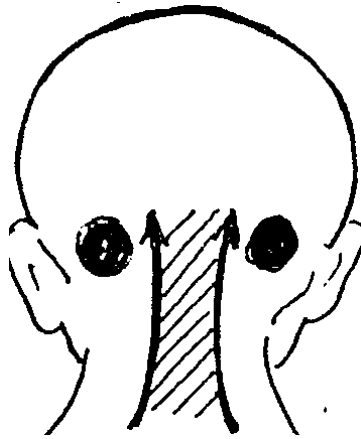
- Theo Tây Y thường cho uống thuốc hoặc chích thuốc giảm đau hay Kháng Viêm. Tuy nhiên căn bệnh xưa như trái đất này cho đến nay vẫn còn là nỗi khổ của không ít người. Cuối cùng phải chấp nhận Giải Phẫu.
- Theo VNĐƯLP chúng tôi đề ra một số vùng huyết:
 - a) Gối 5 huyết (4 huyết trước đầu gối, và Ủy Trung ở giữa kheo)



b) Khớp mắt Cá Chân



- c) Ngón chân Cái, Út
- d) Chấm Gáy



Lưu Ý: Phòng bệnh phát triển sang đa khớp.
Người bệnh phải điều trị tích cực mỗi ngày
Xoa thêm các mắt ngón tay theo thứ tự: 4, 1,
3, 2, 5

Kiêng cử:

- Các loại thịt và mỡ động vật
- Mắm (mắm cá, mắm tôm v.v.)
- Đồ biển (sea food)
- Các loại rau củ như Cà Tím, Khoai Tây, Khoai Lang

2. Cứu cấp Đột Quy

Triệu chứng:

- Mặt tái nhợt
- Mắt lác thần
- Nói khó.

Cách khám và Điều trị:

- a) Dùng 2 ngón tay cái và trỏ vuốt mạnh trước tai và sau dái tai dọc cạnh cằm (thường huyết báo đau bên trái của bệnh nhân)
- b) Bấm mạnh Nhân Trung
- c) Bóp mạnh Gân Gót chân
- d) Nắn vuốt kéo ngón chân Cái từ trong khớp bàn chân ra ngoài.

*** Chủ yếu ở mặt dưới ngón chân.**



- e) Theo kinh nghiệm đàn guitar, chích lễ 10 đầu ngón tay, ngón chân

3. **Sa bìu (Orchiocèle)**

Triệu chứng:

- Ngoại Thận xệ xuống, phồng to, tức đến nghẹn thở
- Không thể đi lại được người rã rượi.

Nguyên nhân:

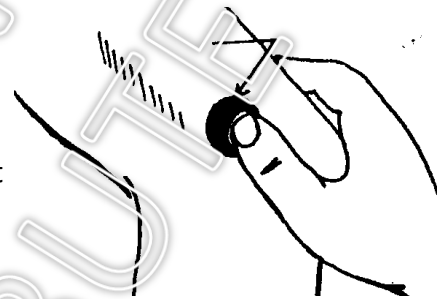
- Cơ thể bị nhiễm độc do Quai bị, Phong thấp, Đậu mùa.

Khám & Điều trị:

*Theo Tây Y phải đeo hố đỡ (suspensor) điều trị theo tàn dược.

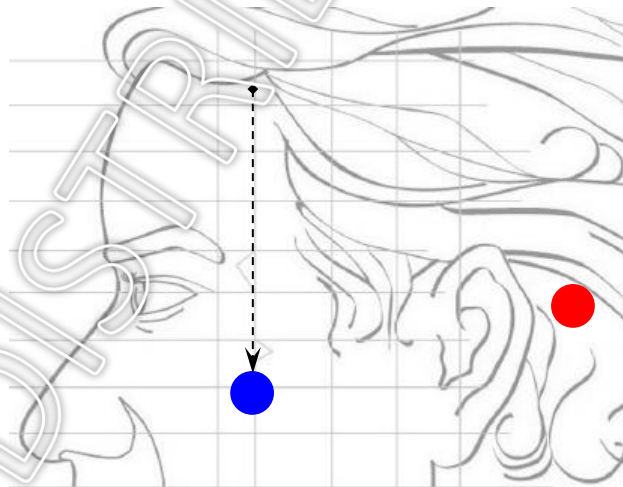
*VNĐƯLP có 3 huyết:

- a) Gối: Để Bệnh nhân ngồi thẳng lưng, chân để theo hình thước thợ. Người điều trị dùng 2 tay để hố khẩu ôm sát gối. Huyệt nằm ngay đầu ngón tay cái (má trong đùi)
 - * Bấm mạnh & sâu đồng lúc 2 bên. Chọn bên huyết nào đau nhất làm SH.
- b) Mặt & Chấm bộ: dùng 2 ngón tay Trỏ & Cái bấm mạnh đồng lúc vào 2 huyết ở Má & Chấm Bộ



Kiêng cử:

- Không xách vật nặng lên cao
- Không làm việc vội vã



- ❖ *Sức Khỏe là Tài Sản*
- ❖ *Trí Tuệ là Thân Thông*
- ❖ *Biết Đủ là Hạnh Phúc*
- ❖ *Cho Đi là Không Mất*
- ❖ *Đồng Ứng Bất Cường Cầu*



Tiểu sử

Thầy Lý Phước Lộc sinh năm Giáp Thân tại làng Phước Hải tỉnh Phước Tuy (Bà Rịa)

1965 – 1966 : Sinh viên Đại Học Khoa Học Sài Gòn

1966 – 1975 : Sĩ quan Không Quân VN Cộng Hòa

1981 – 1995 : Thành viên nhóm Nghiên Cứu Điện Chấn Điều Khiển Liệu Pháp Bùi Quốc Châu

1995 : Định cư tại Hoa Kỳ, tiểu bang California

Thầy Lý Phước Lộc bắt đầu phổ biến và phát triển Việt Nam Đồng Ưng Liệu Pháp từ năm 2012 ở Hoa Kỳ, Canada, Đức, Pháp, Hòa Lan, Bỉ, Thụy Sĩ, Tiệp Khắc ...